



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46./2022/CV-SH

V/v: Công bố Báo cáo thường niên
năm 2021

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Mã chứng khoán: SHI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-62656566

Fax: 84-24-62656588

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đào Nam Phong – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2, Phố Thanh Lâm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-62656566

Fax: 84-24-62656588

Loại thông tin công bố: 24 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty CP Quốc tế Sơn Hà (SHI) công bố:

- Công ty CP Quốc tế Sơn Hà (SHI) công bố Báo cáo thường niên năm 2021.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2022 tại đường dẫn www.sonha.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu PC, VPTĐ.



Đào Nam Phong



20 BÚT TỐC
22 VƯỢT GIỚI HẠN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

Hà Nội, ngày 19/04/2022

The logo for SONHA, featuring a stylized white icon of a cube or cube-like shape with a central dot, followed by the word "SONHA" in a bold, white, sans-serif font. The background is a gradient of blue with a faint, dotted world map pattern.

SONHA



TẦM NHÌN

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế đa ngành, có vị thế hàng đầu khu vực, được công nhận trên trường quốc tế.



SỨ MỆNH

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, tiên phong sản xuất, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng, thân thiện với môi trường vì cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tiên - Tín - Tốc - Trí - Tâm

- **Tiên:** Tiên phong dẫn đầu, hăng hái, tích cực, đi trước, đặt tinh thần xung phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm lên vị trí hàng đầu, làm tiền đề cho mọi hoạt động.
- **Tín:** Luôn nhất quán trong các cam kết, hướng tới sự phát triển bền vững, đạt được sự hài lòng cao nhất của khách hàng và đối tác. Coi chữ Tín là danh dự của chính mình.
- **Tốc:** Thích ứng nhanh với mọi sự thay đổi, đề cao chữ "Tốc" trong việc ra quyết định, thực thi xuất sắc và tôn trọng kỷ luật. Lấy tốc độ và kết quả làm tôn chỉ hành động.
- **Trí:** Đề cao tinh thần nghĩ mới, làm mới, tư duy tích cực, chủ động cải tiến và làm chủ công nghệ, xây dựng tổ chức học tập, tự học hỏi, khát vọng lớn mạnh, quy tụ những con người tinh hoa, nơi mỗi thành viên đều là các nhân tố xuất sắc trong lĩnh vực công việc của mình.
- **Tâm:** Coi chữ Tâm là nền tảng quan trọng của mọi hành động; Làm việc bằng tâm trong sáng với sứ mệnh nâng cao chất lượng cuộc sống và sự phát triển bền vững của xã hội; Xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa nội bộ với bên ngoài, hướng đến môi trường làm việc hạnh phúc.





Ông LÊ VĨNH SƠN
Chủ tịch Tập đoàn Sơn Hà

Tầm nhìn
TIÊN PHONG
Vị thế
DẪN ĐẦU

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng!

Lời đầu tiên, thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn chân thành đến các Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng vì sự đồng hành, tin tưởng của quý vị đối với chúng tôi trong thời gian vừa qua.

Sau hơn 23 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Sơn Hà đã gia nhập khối doanh nghiệp nghìn tỷ với doanh thu tăng trưởng bình quân hàng năm từ 25-30%. Đến nay, Sơn Hà tự hào sở hữu 22 công ty thành viên; 11 nhà máy sản xuất, 120 chi nhánh trong và ngoài nước; 30.000 điểm bán và nhà phân phối trên khắp các tỉnh, thành. Hệ sinh thái sản phẩm của Sơn Hà không chỉ hiện hữu trong mỗi ngôi nhà Việt mà còn xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, chinh phục các thị trường cao cấp như Hàn Quốc, Châu Âu, Mỹ, Canada...

Năm 2021, ngay trong khi dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, bằng những quyết sách đúng đắn, kịp thời của Ban Lãnh đạo cùng sự đoàn kết, nỗ lực của toàn thể CBCNV, Sơn Hà vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sức khỏe, chăm lo đời sống cho gần 3.000 nhân sự và về đích thành công với những con số ấn tượng. Trong đó có những dấu mốc đáng chú ý như:

- Hoàn thành giai đoạn 1 của dự án tái cấu trúc toàn diện Tập đoàn với nhiều dự án chiến lược.
- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ ban lãnh đạo cấp cao với nhiều nhân tố mới được đào tạo bài bản, có tư duy sáng tạo, đột phá, dám nghĩ dám làm.
- Ra mắt nhiều sản phẩm gia dụng mới phục vụ tiện ích của các gia đình Việt: Bình nước nóng Smart wifi, chậu handmade cao cấp, xe máy điện EVGO, nồi cơm điện Koreacook, máy lọc không khí eCool, máy tạo nước ion kiềm...
- Tham gia đầu tư vào các dự án cung cấp nước sạch và xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến từ Nhật Bản và Hàn Quốc.
- Triển khai đúng tiến độ dự án khu công nghiệp Tam Dương (Vĩnh Phúc) với diện tích 162,33 ha.
- Đạt Thương hiệu Quốc gia trong nhiều năm liên tiếp; Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực TP. Hà Nội năm 2021; Top 100 doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ số thuộc Chương trình Chắp cánh thương hiệu Việt năm 2021 cùng nhiều giải thưởng và chứng chỉ quan trọng khác.

Định hướng của Sơn Hà trong 5 năm tới là phát triển thành tập đoàn kinh tế đa ngành hàng đầu khu vực, tập trung vào 5 nhóm ngành chính là Gia dụng, Công nghiệp, Năng lượng sạch, Nước và Bất động sản công nghiệp.

Năm 2022 được đánh giá là năm bản lề để tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bám sát nền tảng chuyển đổi số, từ đó xây dựng mô hình quản trị tương lai hiệu quả. Với tinh thần **"Bứt tốc - Vượt giới hạn"**, Sơn Hà sẽ lấy chữ **TỐC** trong 5 giá trị cốt lõi (Tiên - Tín - Tốc - Trí - Tâm) làm tôn chỉ hoạt động. **TỐC** là thích ứng nhanh với mọi sự thay đổi; Là tăng tốc trong việc ra quyết định; Là thực thi nghiêm túc và tôn trọng kỷ luật.

Với năng lực nội tại cùng nhiều bài học rút ra trong 2 năm dịch bệnh, năm 2022, Tập đoàn Sơn Hà đặt mục tiêu lợi nhuận tăng trưởng 30% so với năm 2021; tạo thêm công ăn việc làm cho khoảng 300 người, tăng số lượng lao động lên hơn 3.000 người. Dự kiến năm 2022, Sơn Hà sẽ đầu tư bổ sung 2 nhà máy tại khu vực phía Bắc và phía Nam; đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu thêm 10 quốc gia so với năm 2021.




Một lần nữa, thay mặt HĐQT, tôi xin cảm ơn Quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng toàn thể CBCNV Sơn Hà đã ủng hộ và sát cánh giúp Tập đoàn đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý giá trong hành trình sắp tới. Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT
LÊ VĨNH SƠN

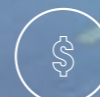


Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
 Tên tiếng Anh: SONHA INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY
 Tên viết tắt: SONHA.CORP
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế: 0100776445
 thay đổi lần thứ 22 ngày 18/08/2021

-  Điện thoại: +84-24-62656566
-  Fax: +84-24-62656588
-  Website: www.sonha.com.vn





Mã cổ phiếu: SHI



Vốn điều lệ
 1.501.879.130.000 đồng



Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 1.501.879.130.000 đồng

-  Trụ sở chính: Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai
 Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-  Hội sở: Tầng 13, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường
 Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

Tập đoàn Sơn Hà được thành lập năm 1998 với tên Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà

BƯỚC CHÂN VÀO THỊ TRƯỜNG EU VÀ MỸ

Xuất khẩu ống thép Inox Sơn Hà vào thị trường Mỹ. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu Sơn Hà phát triển ngành sản xuất Công nghiệp. Ống inox Sơn Hà là thương hiệu duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED (tiêu chuẩn xuất khẩu) vào những thị trường khó tính như EU và Mỹ.

MỞ RỘNG XUẤT KHẨU

Mở rộng xuất khẩu đến 20 quốc gia như: Hoa Kỳ, Brazil, Argentina, Mexico, Singapore...

MỞ RỘNG HỆ THỐNG CÁC NHÀ MÁY

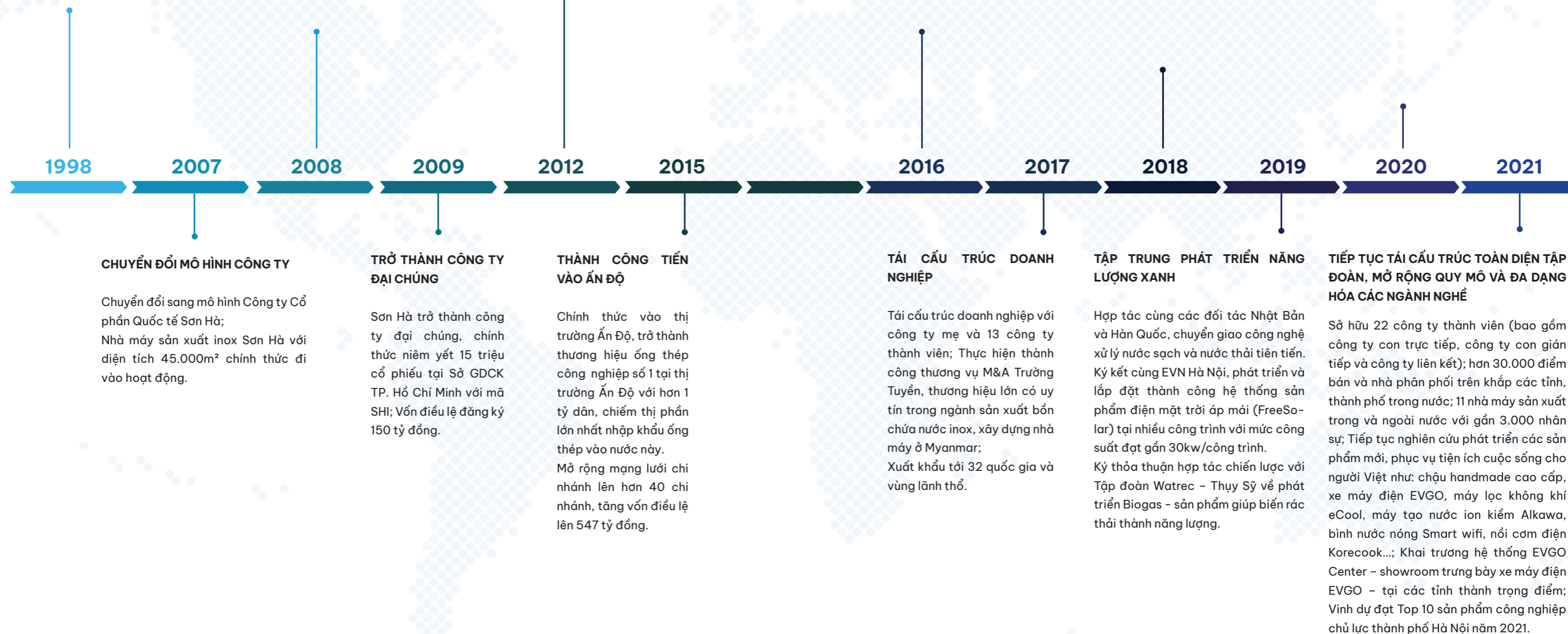
Khai trương nhà máy Sơn Hà tại Nghệ An; Khởi công xây dựng nhà máy Sơn Hà tại Bắc Ninh.

BÙNG NỔ CÁC NGÀNH KINH DOANH MỚI

Thâu tóm Toàn Mỹ - thương hiệu bồn nước cao cấp và lâu đời nhất của VN, mở rộng thị trường miền Nam; Bùng nổ các ngành sản xuất và kinh doanh mới có tính bước ngoặt: phát triển công nghệ xử lý nước thải, phát triển điện mặt trời, đầu tư vào lĩnh vực vận tải...

MỞ RỘNG QUY MÔ TẬP ĐOÀN

Ra mắt sản phẩm điện mặt trời áp mái FreeSolar; Khánh thành nhà máy sản xuất lắp ráp xe điện EVGO và ra mắt thị trường các dòng xe điện hai bánh EVGO; Ra mắt thị trường các dòng sản phẩm mới thuộc lĩnh vực sản phẩm gia dụng như: Nồi cơm điện KoreCook, điều hòa Ecoool...



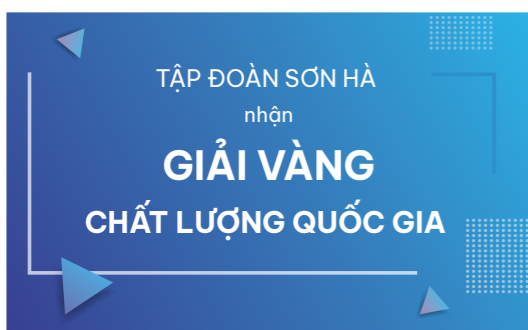
SỰ KIỆN NỔI BẬT 2021



Với những đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của kinh tế Thành phố Hà Nội, năm 2021, Tập đoàn Sơn Hà đã được chứng nhận 5 sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố, bao gồm: ống thép inox, bồn nước inox (dân dụng và lắp ghép công nghiệp), bình nước nóng, chậu rửa inox và Thái Dương Năng. Trong đó, ống thép inox Sơn Hà tiếp tục được vinh danh Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội.



Sáng 5/6, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà (SHI) đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng hướng đến doanh nghiệp đa ngành hàng đầu Việt Nam và vươn tầm khu vực. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Sơn Hà diễn ra sáng ngày 5/6/2021, ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch HĐQT cho biết: *“Năm 2020 là một năm khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tuy nhiên nhờ những ứng phó linh hoạt trong hoạt động sản xuất, đưa ra những giải pháp kịp thời, Sơn Hà đã đạt và vượt kế hoạch kinh doanh đề ra”*.



Ngày 25/4/2021, tại Hội trường Bộ Quốc Phòng (số 7 Nguyễn Tri Phương, Ba Đình, Hà Nội), Lễ trao Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2019 – 2020 do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) tổ chức đã xướng tên 40 doanh nghiệp đạt giải Vàng và Tập đoàn Sơn Hà là một trong các doanh nghiệp xuất sắc đạt giải thưởng danh giá này. Việc vinh dự nhận Giải Vàng Chất lượng Quốc gia 2019 – 2020 góp phần khẳng định mạnh mẽ hơn nữa về uy tín, chất lượng và sự phủ sóng ở khắp các thị trường trong và ngoài nước của thương hiệu mang tên Sơn Hà.



Với những đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của kinh tế Thành phố Hà Nội, năm 2021, Tập đoàn Sơn Hà đã được chứng nhận 5 sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố, bao gồm: ống thép inox, bồn nước inox (dân dụng và lắp ghép công nghiệp), bình nước nóng, chậu rửa inox và Thái Dương Năng. Trong đó, ống thép inox Sơn Hà tiếp tục được vinh danh Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực Thành phố Hà Nội.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2021



Ngày 07/04/2021, tại khách sạn JW Marriot Hà Nội, Tập đoàn Sơn Hà đã tổ chức lễ ra mắt sản phẩm chậu handmade cao cấp và tri ân các nhà phân phối. Với dây chuyền công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Hàn Quốc cùng bàn tay khéo léo của đội ngũ công nhân lành nghề, chậu handmade cao cấp Sơn Hà sở hữu những ưu điểm vượt trội về thiết kế, tính năng và chất lượng sản phẩm. Để khẳng định các nhà phân phối là những mắt xích quan trọng trong quá trình phát triển sản phẩm ra thị trường, Tập đoàn Sơn Hà đã trao chứng nhận cho gần 100 nhà phân phối trên cả nước.



Để đẩy mạnh phát triển thương hiệu xe máy điện EVGO tại thị trường Việt Nam, năm 2021, Tập đoàn Sơn Hà đã khai trương 2 đại lý ủy nhiệm xe máy điện EVGO tại Hải Dương, Quảng Ninh; đồng thời khai trương 4 EVGO Center tại Xã Đàn – Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Thái Bình. Đối tượng khách hàng mà Sơn Hà hướng đến là các khách hàng trẻ, có nhu cầu đi lại thường xuyên và bắt kịp xu hướng công nghệ mới. Sản phẩm xe máy điện EVGO của Sơn Hà cũng dành được sự đón nhận và đánh giá cao của hệ thống đại lý và khách hàng.



Tháng 8/2021, Chiến dịch Tôi thay đổi đã được tái kick-off với rất nhiều hoạt động sôi nổi, được phát động trên hệ thống toàn Tập đoàn. Trong đó có các hoạt động nổi bật như: chuẩn hóa quy định về trang phục, đào tạo văn hóa ứng xử, văn hóa Sơn Hà xanh, văn hóa sức khỏe, các hoạt động cộng đồng, talkshow của lãnh đạo cấp cao, các gameshow gắn kết, thi đua 5S, phong trào sáng kiến cải tiến...



Sáng ngày 26/11/2021, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác toàn diện và hợp đồng tín dụng tài trợ dự án KCN Tam Dương giữa Tập đoàn Sơn Hà và VietinBank chi nhánh Thành An (VietinBank). Theo đó, VietinBank và Tập đoàn Sơn Hà sẽ tăng cường hợp tác sâu rộng và toàn diện, cùng xúc tiến các hoạt động cho vay, góp vốn, liên kết để hỗ trợ nhau mở rộng quy mô, phát triển hoạt động kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực nhằm khai thác tốt nhất thế mạnh của mỗi bên cũng như tiềm năng của thị trường.

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT 2021

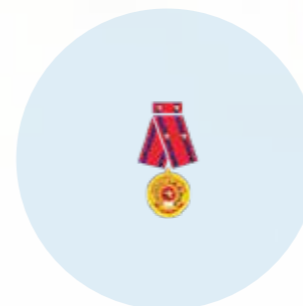
SƠN HÀ 23 NĂM TUỔI HÀNH TRÌNH CỦA NHỮNG NGƯỜI TIÊN PHONG

Được thành lập ngày 17/11/1998, đến nay, Tập đoàn Sơn Hà đã tròn 23 năm hình thành và phát triển. Đây là cột mốc đáng nhớ, khẳng định tầm vóc, vị thế của một Tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam. Năm 2021, vượt qua những khó khăn, thách thức do đại dịch Covid 19 kéo dài, Tập đoàn Sơn Hà vẫn vững vàng đi lên bằng tinh thần của người tiên phong, không ngừng thay đổi & phát triển tốt hơn.

TẬP ĐOÀN SƠN HÀ HỢP TÁC CÙNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

Ngày 1/12/2021, tại Hội sở 29 Liễu Giai – Hà Nội, Tập đoàn Sơn Hà đã tổ chức Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác với trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Theo biên bản ký kết, hai bên sẽ cùng hợp tác theo các nội dung của đã thỏa thuận nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương Lao động hạng Nhì
do Chủ tịch nước trao tặng



Đạt Thương hiệu Quốc gia
trong nhiều năm liên tiếp



Hàng Việt Nam
chất lượng cao

- ★ Đạt Thương hiệu Quốc gia trong nhiều năm liên tiếp
- ★ Thương hiệu mạnh Việt Nam (2016)
- ★ Huân chương lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng (2018)
- ★ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2018)
- ★ Chứng nhận CSI (2018)
- ★ Giải Vàng chất lượng Quốc gia (2019)
- ★ Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội (2019)
- ★ Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2020 và các năm trước
- ★ Chứng nhận PED của Tổ chức Quốc tế TUV năm 2021 và các năm trước
- ★ Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội năm 2021 và các năm trước
- ★ ISO 9001:2015 trong năm 2021 và các năm trước
- ★ Top 100 doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ số

Ngành nghề kinh doanh



01

NGÀNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM GIA DỤNG, ĐIỆN GIA DỤNG



02

NGÀNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM ỐNG THÉP CÔNG NGHIỆP



03

NGÀNH PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH



04

NGÀNH KHAI THÁC XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH



05

NGÀNH BẮT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP



06

CÁC NGÀNH KHÁC



EVGO

XE ĐIỆN XANH CHO MỌI NHÀ

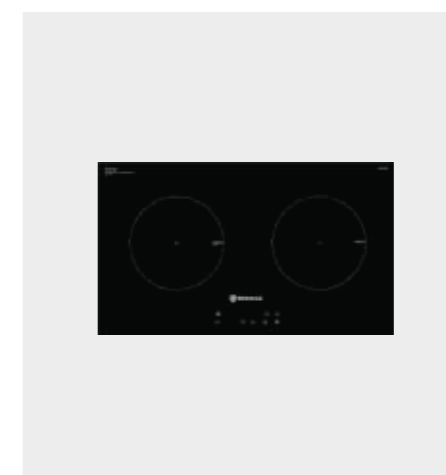
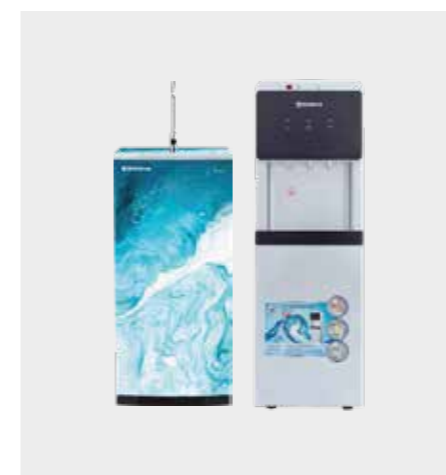


#01

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng, điện gia dụng

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng là lĩnh vực truyền thống đã góp phần đưa Sơn Hà trở thành Thương hiệu Quốc gia. Ngoài sản phẩm bồn nước đứng vị thế số 1 trên thị trường Việt Nam, Tập đoàn Sơn Hà còn cung cấp những mặt hàng gia dụng thiết yếu để phục vụ cho hàng triệu gia đình Việt.

- Bồn chứa nước inox
- Máy lọc không khí
- Máy tạo nước ION kiềm
- Bồn chứa nước nhựa
- Điều hòa
- Máy lọc nước & Cây nước nóng lạnh
- Nồi cơm điện
- Chậu rửa inox
- Máy hút mùi & Bếp từ | Bếp gas
- Bình nước nóng
- Bể chứa nước ngầm



#02

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ống thép công nghiệp

Đây là lĩnh vực đưa thương hiệu Sơn Hà vượt khỏi biên giới Việt Nam để có mặt tại 35 quốc gia vùng lãnh thổ trên thế giới. Hiện nay, ống inox của Sơn Hà là sản phẩm duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED, đủ điều kiện xuất khẩu tới các thị trường khó tính như Mỹ, Ấn Độ, Nga, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ...



Ống inox trang trí

Ống, hộp inox trang trí của Sơn Hà là sản phẩm kỹ thuật tân tiến theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM A554, tiêu chuẩn châu Âu DIN-EN-10296-2 và JIS

G3448 của Nhật Bản. Sản phẩm được sản xuất từ các vật liệu SUS/AISI 201/304/316 với hàm lượng Ni, Cu cao thích hợp cho trang trí nội thất, nhà ở, nhà ga, sân bay và các công trình khác...



Ống inox công nghiệp

Ống inox công nghiệp từ các vật liệu SUS/AISI 201/304/316 với hàm lượng Ni, Cu cao thích hợp cho trang trí nội thất, nhà ở, nhà ga, sân bay... Sản phẩm

được sản xuất qua các công đoạn và máy móc hiện đại nhất về cán ủ, hàn đa kim, thử nghiệm kiểm tra áp lực, kiểm tra dòng điện xoáy, đo độ tròn, kiểm tra mối hàn...



Bồn công nghiệp

Bồn công nghiệp Sơn Hà là sản phẩm được sản xuất hoàn toàn từ inox cao cấp, có khả năng chống lại sự xâm nhập của các loại vi khuẩn, vi trùng từ bên

ngoài. Sản phẩm được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng, các khu công nghiệp, bể chứa chuyên dụng, các cơ sở chế biến thực phẩm...



Thanh La inox, V inox

Thanh La inox, V inox sử dụng công nghệ hàn TPT hiện đại nhất của Đức. Sơn Hà là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế

PED của TUV. Sản phẩm cũng đã đạt được tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do DAS chứng nhận.



Máy đun nước nóng công nghiệp

Máy nước nóng Bơm nhiệt (heat pump) là một loại hình sản phẩm thay thế máy nước nóng năng lượng bằng điện, gas.

#03

Phát triển năng lượng sạch

Là đơn vị đầu tiên ứng dụng và phát triển dòng sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời tại Việt Nam, Sơn Hà đã tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong các doanh nghiệp phát triển năng lượng sạch của Việt Nam bằng việc không ngừng trao đổi, cập nhật, hợp tác với các đối tác đầu ngành đến từ Đức, Thụy Sĩ...



THÁI DƯƠNG NĂNG

Máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng

Máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng Sơn Hà là sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với các nguy cơ cháy nổ, chập điện và tiết kiệm điện 100%. Đây là sự lựa chọn hàng đầu cho nhu cầu sử dụng nước nóng của các hộ gia đình, các khách sạn, nhà hàng, bệnh viện, trường học...



FREESOLAR

Điện mặt trời áp mái FreeSolar

FreeSolar là sản phẩm điện năng lượng mặt trời áp mái nổi lưới đạt tiêu chuẩn công nghệ Đức của Tập đoàn Sơn Hà. Với mục tiêu góp phần xây dựng cuộc sống xanh bền vững cho toàn xã hội, FreeSolar biến mỗi nhà máy, văn phòng, resort, mái nhà dân... thành các nhà máy phát điện, cung cấp điện sạch giá rẻ cho khách hàng.



EVGO

Xe máy điện EVGO

Năm 2020, Tập đoàn Sơn Hà hợp tác với Tập đoàn Bosch (CHLB Đức) - Tập đoàn hàng đầu trên thế giới về cung cấp giải pháp công nghệ và thiết bị sử dụng cho xe điện - nhằm ứng dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, tiên tiến nhất của Bosch cho các sản phẩm xe máy điện mang thương hiệu EVGO. Mục tiêu trong vòng 05 năm tới, Sơn Hà sẽ trở thành 1 trong 3 nhà sản xuất, lắp ráp, cung cấp xe điện lớn nhất Việt Nam.

#04

Cung cấp nước sạch

Sơn Hà đã tham gia đầu tư vào các dự án cung cấp nước sạch như nhà máy sản xuất nước sạch và hệ thống mạng lưới nước sạch cung cấp cho từng hộ gia đình. Đặc biệt, Sơn Hà đã ký hợp tác với các tập đoàn uy tín từ Nhật Bản để chuyển giao công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới về xử lý nước sạch không can thiệp hoá chất, đạt chuẩn quốc tế; đồng thời cung cấp các giải pháp và thi công trọn gói công trình xử lý nước sạch như nước ngầm, nước mặt và hệ thống mạng lưới nước.



Công nghệ xử lý nước ngầm

Công nghệ Chemiles không sử dụng hóa chất, có khả năng xử lý nguồn nước ngầm nhiễm sắt, mangan, amoni và asen. Nguồn nước đầu ra sau khi lọc qua cấp lọc Chemiles đáp ứng được tiêu chuẩn nước sạch của Bộ Y tế và tiêu chuẩn uống nước tại vòi của Nhật Bản.



Công nghệ xử lý nước mặt

Sơn Hà cung cấp giải pháp công nghệ xử lý nước mặt tiên tiến nhất với chi phí đầu tư và vận hành thấp; cung cấp giải pháp và thi công mạng lưới nước sạch đến từng hộ gia đình với công nghệ quản lý phân vùng tách mạng scada hiện đại. Các nhà máy nước sạch do Sơn Hà đầu tư đảm bảo tiêu chuẩn, góp phần giải quyết vấn đề thiếu nước sạch cho Hà Nội và các tỉnh.



Hệ thống lọc trọng lực tự rửa

Lọc nước tổng Sơn Hà Eurofil là thiết bị lọc nước tổng cho toàn bộ ngôi nhà, dựa trên công nghệ màng siêu lọc sợi rỗng UF của Pháp.

Cung cấp giải pháp xử lý nước thải

Chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nền tảng cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường. Nhu cầu cấp bách về xử lý nước thải theo hướng thân thiện với môi trường, không làm ảnh hưởng mạch nước ngầm, trả lại một thiên nhiên ít bị thương tổn - chính là lý do Sơn Hà phát triển đa dạng công nghệ xử lý nước thải.

Sơn Hà thành lập Viện nghiên cứu và Trung tâm nghiên cứu phát triển ngành nước hàng đầu Việt Nam, hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc và Đại học Xây dựng Hà Nội để phát triển nhiều công nghệ và sản phẩm xử lý nước thải mới phù hợp với điều kiện Việt Nam.



Bể phốt thông minh Septic Sơn Hà

Septic được thiết kế đặc biệt giúp chứa và lọc nước thải một cách thông minh. Sản phẩm được sản xuất từ vật liệu nhựa siêu bền, không lo nứt vỡ.



Hệ thống xử lý nước thải Jokaso

Công nghệ xử lý nước thải tại nguồn - Jokaso có hiệu quả xử lý cao, sản phẩm chất lượng Nhật Bản, nước thải sau xử lý đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam, tuổi thọ cao, dễ dàng lắp đặt phù hợp với các nguồn nước thải. Sơn Hà cung cấp giải pháp xử lý cho mọi công trình từ 1 m³/ngày đến 100.000 m³/ngày.



Hệ thống xử lý nước thải GJR- GJS

Đây là 2 công nghệ đã được nhận chuyển giao của thành phố Gyeongju (Hàn Quốc): Công nghệ xử lý nước tốc độ cao (GJ-R) và công nghệ vi sinh (GJ-S). Các công nghệ xử lý nước thải hiện đại, hệ vận hành quản lý từ xa, tiết kiệm nhiều lần diện tích sử dụng, chi phí đầu tư cũng như vận hành, không phụ thuộc vào tay nghề của người vận hành.

#05

Bất động sản công nghiệp

Không chỉ phát huy lợi thế sẵn có của một Tập đoàn sở hữu chuỗi nhà máy sản xuất, hạ tầng công nghiệp, bất động sản là lĩnh vực để Sơn Hà đón đầu xu hướng phát triển trong tương lai. Với định hướng phát triển các cụm/khu công nghiệp kiểu mẫu, hài hòa giữa giá trị kinh tế và giá trị môi trường, Sơn Hà sẽ đóng góp tích cực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Việt Nam.



#06

Các ngành khác

Ngành Logistics

Xác định chuỗi tích hợp logistics là nền tảng kinh doanh cốt lõi, trong thời gian qua, Sơn Hà luôn đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất của khách hàng. Với phương châm đặt chữ "TÍN" lên hàng đầu, Sơn Hà cam kết mang đến cho khách hàng dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ tốt nhất trên thị trường.

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương thức, hàng hóa siêu trường, siêu trọng.



 **THÁI DƯƠNG NĂNG**

TÁI TẠO NĂNG LƯỢNG

cho cuộc sống

*Thêm
sạch*

17 **NĂM**

khẳng định vị thế

SỐ 1 THỊ TRƯỜNG

Máy nước nóng năng lượng mặt trời



Sản phẩm của Tập Đoàn Sơn Hà

 1800 6566  www.sonha.com.vn

Quy mô thị trường

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cung cấp các sản phẩm chất lượng tới người tiêu dùng cả nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.



30.000 Nhà phân phối và điểm bán trải dài khắp các tỉnh thành



120 Chi nhánh trong và ngoài nước



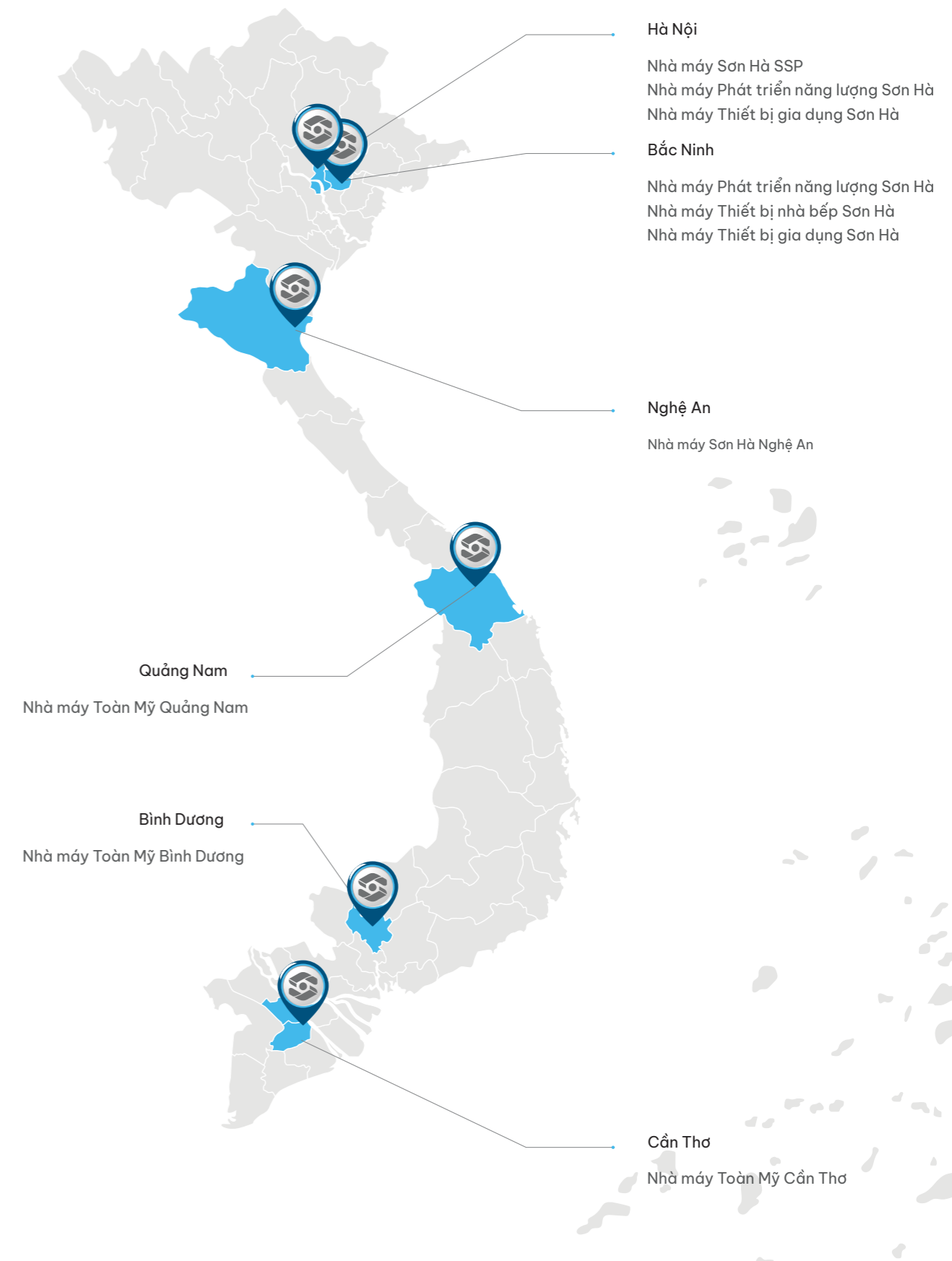
35 Xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, chinh phục các thị trường cao cấp như Hàn Quốc, Châu Âu, Mỹ, Canada...



11 Nhà máy trong và ngoài nước

11 nhà máy sản xuất bao gồm 10 nhà máy trong nước với tổng diện tích khoảng 250.000m² trải dài cả 3 miền Bắc - Trung - Nam và 1 nhà máy tại nước ngoài đáp ứng nhu cầu của thị trường.

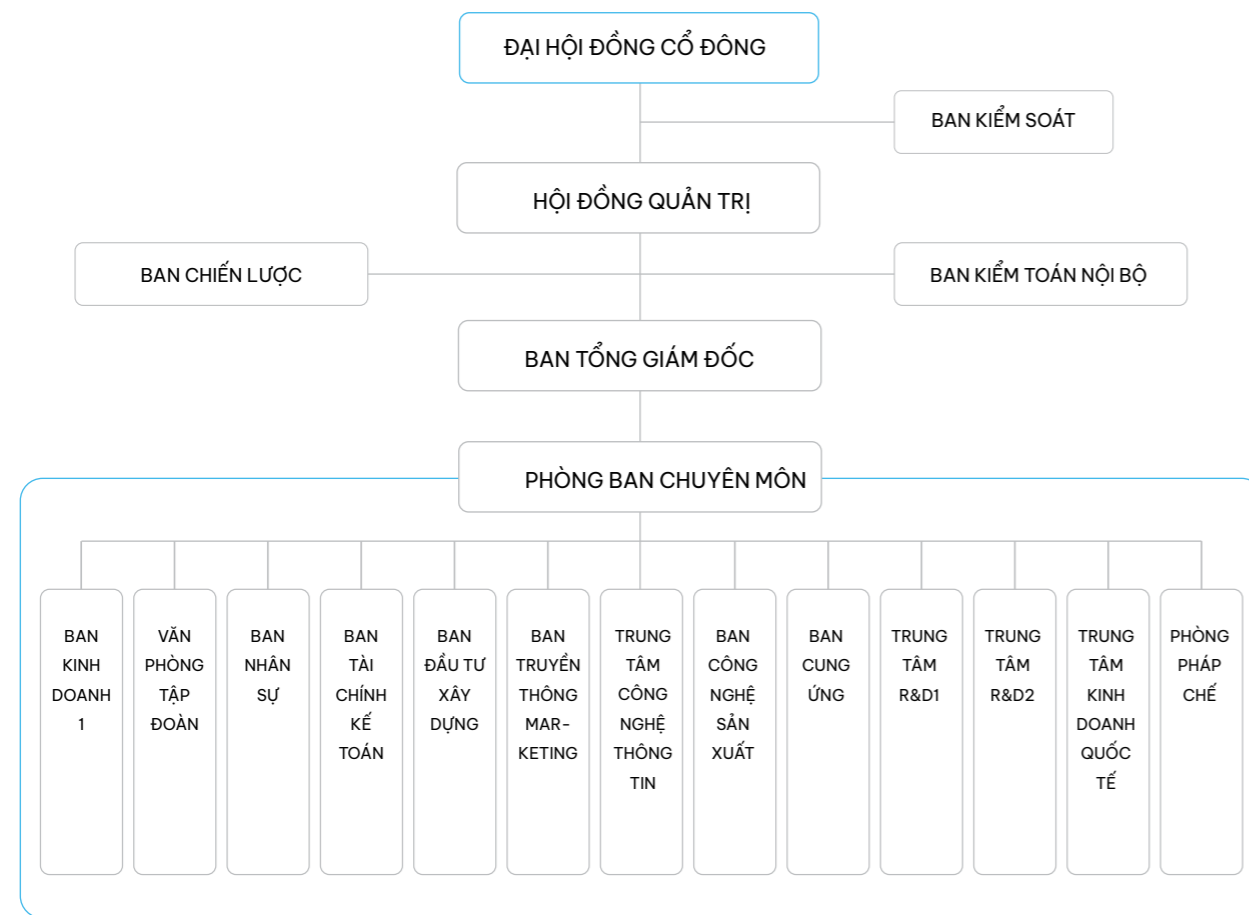
TT	Nhà máy Sơn Hà	Địa chỉ
1	Nhà máy Sơn Hà SSP	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
2	Nhà máy Phát triển năng lượng Sơn Hà	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
3	Nhà máy Thiết bị gia dụng Sơn Hà	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
4	Nhà máy Phát triển năng lượng Sơn Hà	Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
5	Nhà máy Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
6	Nhà máy Thiết bị gia dụng Sơn Hà	Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
7	Nhà máy Sơn Hà Nghệ An	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An
8	Nhà máy Toàn Mỹ Quảng Nam	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
9	Nhà máy Toàn Mỹ Cần Thơ	Đường số 9, Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ
10	Nhà máy Toàn Mỹ Bình Dương	Khu phố Hoà Lân 1, TX Thuận An, phường Thuận Giao, Bình Dương
11	Nhà máy Sơn Hà Myanmar	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Bauktaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar



Tổ chức bộ máy

Mô hình hoạt động của Công ty theo quy định tại điều 137 Luật doanh nghiệp.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Tập đoàn Sơn Hà hiện sở hữu 22 công ty thành viên bao gồm: 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 6 công ty con sở hữu gián tiếp và 5 công ty liên kết.



Tổ chức bộ máy

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%
4	Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương Năng	50,38%
5	Công ty CP Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%
6	Công ty CP Kinh doanh và Phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Quản lý và phát triển dự án	69%
7	Sonha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%
8	Công ty CP Tổng công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%
9	Công ty CP Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	60%
10	Công ty CP Điện mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, cung cấp giải pháp năng lượng tái tạo	90%
11	Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh vận tải	100%

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
12	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
13	Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%
14	Công ty CP thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
15	Công ty TNHH Quản lý vận hành và kinh doanh nước sạch Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác và xử lý nước	100%
16	Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%
17	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%

CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
18	Công ty CP Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	30%
19	Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10 đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%
20	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 Thanh Lâm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Xây dựng nhà để ở	30%
21	Công ty CP Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Số 2 Thanh Lâm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	30%
22	Công ty CP Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	30%

Giới thiệu Ban lãnh đạo

#01

Thành viên Hội đồng Quản trị



ÔNG LÊ VĨNH SƠN

Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Vĩnh Sơn là người sáng lập Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên. Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty, ông còn là đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 – 2021; Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam – Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam.

Ông Lê Vĩnh Sơn tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân.



BÀ TRẦN KIM DUNG

Phó Chủ tịch HĐQT

Bà Trần Kim Dung đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tại các doanh nghiệp. Bà từng giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT bệnh viện VietS-ing, từng là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần KDG Quốc tế.

Ngoài vị trí là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quốc tế Sơn Hà, bà còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vietnam Commodity Exchange.

Bà Trần Kim Dung là Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính.



ÔNG ĐÀO NAM PHONG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Đào Nam Phong từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các công ty như: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Unimex (Tập đoàn T&T), Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn FLC, Giám đốc Thương mại tại Công ty Cổ phần rượu Hà Nội, Chủ tịch Công ty M-Trading kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Tập đoàn Đầu tư Việt Nam (VID), Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Prime...

Ông Đào Nam Phong tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Columbia Southern University (CSU), Hoa Kỳ.



ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Văn Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong Ngành Nước; từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Nhà máy nước Hòa Bình, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông. Hiện nay, ông vừa là thành viên độc lập HĐQT vừa giữ chức vụ Hàm Phó TGD phụ trách Ngành nước Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Ông Nguyễn Văn Dũng là Kỹ sư xây dựng, Đại học Xây dựng.



ÔNG KIỀU ĐỨC LÂM

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Kiều Đức Lâm từng đảm nhiệm nhiều chức vụ: Giảng viên Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch (nay là Đại học Kinh tế quốc dân), Trưởng phòng Kế toán Sở Lương thực Sơn La, Chánh Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy Sơn La, Hàm Phó TGD cố vấn Chủ tịch HĐQT Vietinbank, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Công nghệ cao môi trường Tân Phát, Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền. Hiện ông là thành viên HĐQT độc lập, thành viên Ban Chiến lược Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Ông Kiều Đức Lâm có bằng Tiến sỹ Kinh tế.



ÔNG NGUYỄN PHƯƠNG NAM

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Phương Nam từng đảm nhiệm vị trí quan trọng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Intelcap và hiện đang là Giám đốc Công ty CP TMĐT Phương Nam. Ông cũng là một trong các thành viên HĐQT độc lập của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Ông Nguyễn Phương Nam là cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính.

Giới thiệu Ban lãnh đạo

#02

Thành viên Ban Tổng Giám đốc



ÔNG ĐÀO NAM PHONG
Tổng Giám đốc

Ông Đào Nam Phong giữ chức vụ Tổng Giám đốc phụ trách điều hành chung các công việc trong Tập đoàn và trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau: Xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn; Hành chính, văn phòng; Truyền thông và Marketing; Công nghệ thông tin; Kinh doanh các mặt hàng thuộc mảng nước sạch và xử lý nước thải; Công tác nghiên cứu và phát triển ngành nước; Phụ trách chỉ đạo chung về công tác kinh doanh ngành hàng gia dụng và điện gia dụng trong phạm vi cả nước; Phụ trách mảng đầu tư năng lượng FreeSolar; Đầu tư kinh doanh của Tập đoàn tại Myanmar; Đầu tư kinh doanh của Tập đoàn trong ngành hàng nội thất.

Ông Đào Nam Phong tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học Columbia Southern University (CSU), Hoa Kỳ.



ÔNG ĐỖ THÀNH TÂM
Phó Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Thành Tâm đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý các công ty, tổ chức lớn như: GD Kinh doanh & GD quản lý chuỗi cung ứng Công ty TNHH tinh luyện Núi Pháo-H.C.Starck & Công ty TNHH khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo; Giám đốc điều hành Công ty CP Dầu khí Dung Quất... Tại Sơn Hà, ông trực tiếp phụ trách quản lý, điều hành công tác sau: Mua hàng/chuỗi cung ứng; Sản xuất và kinh doanh ngành hàng công nghiệp (thép và ống thép); Kinh doanh quốc tế của Tập đoàn; Công nghệ sản xuất tại Tập đoàn và các Công ty thành viên; Nghiên cứu và phát triển ngành gia dụng của Tập đoàn; Đầu tư kinh doanh mảng vận tải của Tập đoàn và các Công ty thành viên.

Ông Đỗ Thành Tâm là Thạc sĩ kinh tế - Trường Đại học North Central - Hoa Kỳ.



ÔNG PHẠM THẾ HÙNG
Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thế Hùng đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý các công ty, tổ chức lớn như: Coca-Cola, Bluescope Building, FPT, Tập đoàn Vito... Tại Sơn Hà, ông trực tiếp phụ trách quản lý, điều hành công tác sau: Sản xuất, kinh doanh ngành hàng gia dụng tại Vùng 1, 2 (các tỉnh phía Bắc Việt Nam cho tới tỉnh Ninh Bình) của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Sản xuất, kinh doanh ngành hàng điện gia dụng trên phạm vi toàn quốc; Đầu tư sản xuất, kinh doanh mảng xe máy điện của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Phát triển thương mại điện tử; Phát triển kênh phân phối MT.

Ông Phạm Thế Hùng là cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân.



ÔNG NGUYỄN VĂN LƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Lương từng giữ chức vụ Phó TGD Công ty Cổ phần Xây dựng, Thiết kế và Trang Trí 319 thuộc Tổng Công ty 319 - Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong Công ty CP Hiway Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long T.D.K. Tại Sơn Hà, ông trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau: Sản xuất, kinh doanh ngành hàng gia dụng và điện gia dụng tại Vùng 3, 4 (từ tỉnh Thanh Hóa tới tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk) của Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Kinh doanh các ngành hàng của Tập đoàn qua kênh Dự án.

Ông Nguyễn Văn Lương là cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính.



ÔNG DƯƠNG TẤN HẢI
Hàm Phó Tổng Giám đốc

Ông Dương Tấn Hải từng đảm nhận vị trí Tổng Giám đốc điều hành Công ty Việt Nhật ECO, Phó TGD Tập đoàn Thành Thành Công (TTCCG) - kiêm TGD Công ty thành viên của Tập đoàn, CEO Công ty cổ phần ELMICH miền Nam. Ông trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực công tác sau: Sản xuất, kinh doanh ngành hàng gia dụng và điện gia dụng tại Vùng 5, 6 của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Ông Dương Tấn Hải là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Trường Clerver Clean Assosiation.



ÔNG HOÀNG MẠNH TÂN
Hàm Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Mạnh Tân đã có nhiều năm kinh nghiệm tại doanh nghiệp như: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Tân, Trưởng phòng Kinh doanh Chi nhánh Công ty Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội... Tại Sơn Hà, ông thực hiện chức năng, nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà (SHE).

Ông Hoàng Mạnh Tân là Kỹ sư máy tàu thủy - Đại học Hàng Hải, cử nhân kinh tế ngoại thương - Đại học Ngoại Thương.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam

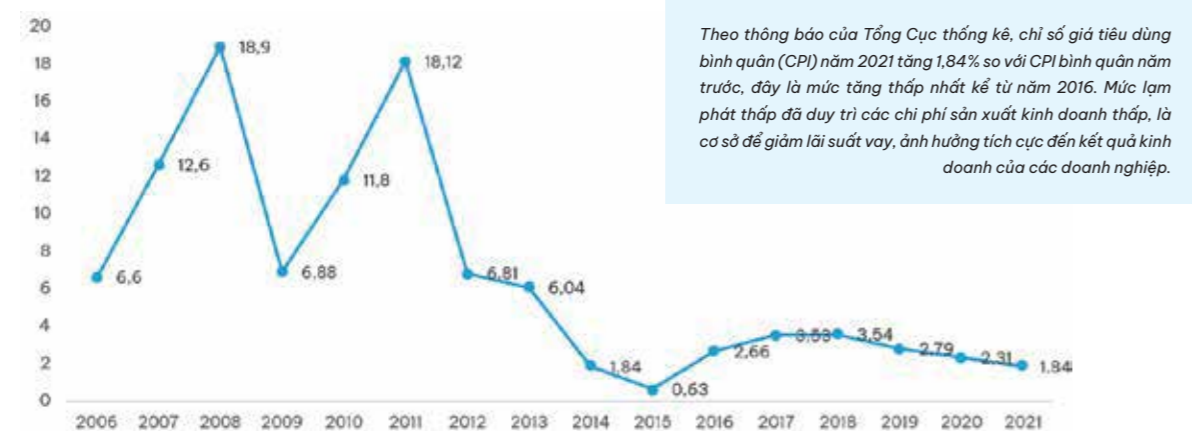


Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2021 ước đạt 2,58%, đây là mức tăng thấp trong giai đoạn từ 2010 đến nay. Nguyên nhân do năm 2021 là một năm đầy thách thức với kinh tế Việt Nam, dịch Covid-19 với biến chủng mới đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, GDP quý III giảm sâu (giảm 6,02% so với cùng kỳ năm trước). Nhiều tỉnh, thành phố là đầu tàu kinh tế, trọng điểm sản xuất công nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, ...phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất đình trệ, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, các chỉ số kinh tế đều sụt giảm nghiêm trọng ... Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nỗ lực duy trì mức tăng trưởng GDP dương, lập kỷ lục xuất khẩu mới và nằm trong Top 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế.

Rủi ro lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công,....

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2021 tăng 1,84% so với CPI bình quân năm trước, đây là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Mức lạm phát thấp đã duy trì các chi phí sản xuất kinh doanh thấp, là cơ sở để giảm lãi suất vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nguồn: GSO

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo NHNN Việt Nam, trong năm 2021, NHNN đã liên tiếp 3 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất với tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm đối với lãi suất điều hành, giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 4,5%/năm). Thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 ngân hàng thương mại (chiếm 75% tổng dư nợ nền kinh tế) cũng đã thống nhất nguyên tắc tiếp tục giảm lãi suất cho vay lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu bằng đồng Việt Nam trong 5 tháng cuối năm 2021 đối với khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Mặt bằng chung lãi suất cho vay giảm có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

Lãi suất (cho vay) ngân hàng là một trong những biến số quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh mà cụ thể là kế hoạch nguồn vốn với mục tiêu cơ cấu vốn linh hoạt, chi phí hợp lý, phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán.

Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Đặc biệt, các quy định về thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của Công ty.

Ngoài ra, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của công ty, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của Công ty. Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không như mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty. Công ty đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về nhập khẩu của các nước mà công ty có thị trường xuất khẩu để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Rủi ro về thiên tai

Theo Tổng cục Phòng, Chống thiên tai năm 2021, Việt Nam đã hứng chịu 841 trận thiên tai với 18/22 loại hình; trong đó 12 cơn bão, áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, từ tháng 9 đến tháng 11, khu vực miền Trung đã chịu ảnh hưởng liên tiếp của 4 cơn bão số 5, 6, 7, 8 và 6 đợt mưa lũ lớn diện rộng.

Thiên tai ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty, làm gián đoạn quá trình sản xuất ở những nhà máy trong vùng thiên tai, chi phí phòng chống và xử lý hậu quả của thiên tai cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Việc hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai đã được Công ty thực hiện từ ý thức được sự việc, đánh giá tác động và áp dụng các biện pháp thích hợp để phòng ngừa hậu quả của thiên tai.

Rủi ro về dịch bệnh

Nếu như năm 2020, Việt Nam được quốc tế ca ngợi về thành công trong việc kiểm chế đại dịch Covid-19, thì sang năm 2021, Việt Nam cũng phải đối đầu với một đợt dịch bùng phát rất mạnh do tác động của biến thể Delta, vốn lây lan rất nhanh và nguy hiểm, diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các địa phương kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Thêm vào đó, còn có các yếu tố từ bên ngoài ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế như: chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, đứt gãy; giá nguyên, nhiên, vật liệu, cước, phí vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng cao; việc huy động chuyên gia, nhà quản lý, nhà thầu nước ngoài, máy móc, thiết bị nhập khẩu bị gián đoạn. Dòng vốn đầu tư toàn cầu phục hồi chậm đã ảnh hưởng đến tình hình thu hút FDI.

Dịch bệnh làm gián đoạn quá trình kinh doanh của Công ty cũng như ảnh hưởng đến các hoạt động giao thương, vận chuyển sản phẩm, suy giảm nhu cầu của khách hàng. Mặc dù ngành nghề của Công ty ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, tuy nhiên đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực lớn đến hoạt động sản xuất của bản thân cũng như đối tác của Công ty.

Trong bối cảnh chung, Công ty cũng đã áp dụng linh hoạt các hình thức làm việc, tổ chức lại hoạt động sản xuất cho phù hợp với các quy định của Chính phủ cũng như diễn biến của dịch.

■ **Rủi ro đặc thù**

Rủi ro ngành

Thị trường xuất khẩu

Hiện tại sản phẩm ống thép của Sơn Hà do Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam sản xuất đã được xuất khẩu tới hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, Công ty tiếp tục chính sách mở rộng thị trường. Sản phẩm ống thép xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về độ chính xác và chất lượng cao. Ý thức được điều này, Công ty đã xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định. Đối với các sản phẩm xuất khẩu, Công ty đã đáp ứng được yêu cầu và được cấp chứng nhận PED (Pressure Equipment Directive) cho các sản phẩm ống xuất khẩu vào thị trường châu Âu, và đáp ứng các tiêu chuẩn A312, A554, A778 của ASTM (American Society for Testing and Material) đối với sản phẩm ống thép công nghiệp và trang trí xuất khẩu vào thị trường sử dụng tiêu chuẩn ASTM.

Thuế chống bán phá giá

Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường có khả năng đối diện với thuế chống bán phá giá. Hiện tượng này xuất phát từ chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước và việc không tận dụng được lợi thế để giảm giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nước sở tại, hoặc do sự cạnh tranh thiếu công bằng của các doanh nghiệp xuất khẩu ở các quốc gia khác.

Thị trường trong nước: các doanh nghiệp sản xuất và phân phối nguyên liệu đầu vào là thép không gỉ đã có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu nước ngoài. Doanh nghiệp sẵn sàng nộp đơn kiện chống bán phá giá nguyên liệu đối với các doanh nghiệp đến từ các nước khác để bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Khi xảy ra những đợt kiện chống bán phá giá nguyên liệu, các doanh nghiệp nước ngoài bị áp thuế chống bán phá giá dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty có thể bị điều chỉnh tăng do thuế suất tăng và/hoặc do các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu trong nước tăng giá hoặc áp đặt các điều kiện thanh toán bất lợi hơn cho khách hàng, từ đó có thể làm tăng giá thành sản phẩm của Công ty.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Là một công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của Sơn Hà là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể Công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Để giảm rủi ro, Công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Sản phẩm chính của Sơn Hà là những đồ gia dụng thiết yếu, vì vậy lượng cầu không giảm nhiều như những sản phẩm khác. Đồng thời, Công ty đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

Rủi ro trong các ngành nghề mới

Công ty đang đầu tư vào các ngành mới như cung cấp và xử lý nước, năng lượng và hạ tầng công nghiệp. Mặc dù đây là những ngành được đánh giá tiềm năng, tuy nhiên Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong những ngành này so với những đối thủ cạnh tranh đã có vị thế nhất định trong ngành. Việc lựa chọn phương án đầu tư, tiến độ triển khai phù hợp với năng lực tài chính, nhân lực và diễn biến chu kỳ của ngành sẽ quyết định thành công của các dự án đầu tư vào các ngành mới.

Công ty lựa chọn phương án tiếp cận thận trọng, từng bước nhưng quyết liệt, phù hợp với năng lực triển khai của đội ngũ nhân sự chuyên môn, năng lực tài chính cũng như diễn biến của ngành và kinh tế vĩ mô nói chung.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, có khoảng 20 doanh nghiệp trong nước bên cạnh các sản phẩm được nhập khẩu trong đó có những công ty lớn, có uy tín và đang cạnh tranh trực tiếp với công ty như Tân Á, Tân Mỹ ở sản phẩm bồn nước, chậu rửa; Hoàng Vũ, Tiến Đạt ở sản phẩm ống inox, hay Kangaroo, Sunhouse ở các sản phẩm gia dụng. Sơn Hà đang nỗ lực cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã để chiếm lĩnh thị trường, tiến tới mục tiêu trở thành tập đoàn sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ, sản phẩm gia dụng hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh đó, việc thâm nhập vào các ngành mới sẽ tạo cơ hội cũng như thách thức trong giai đoạn phát triển sắp tới của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Quản trị mục tiêu lợi nhuận thông qua các chỉ tiêu Doanh số, Tiến độ và Chi phí

- ✓ Chủ động, linh hoạt với chỉ tiêu doanh số
- ✓ Quản lý tốt tiến độ
- ✓ Quản lý chặt chẽ chi phí



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu
- Tạo đột phá đối với những ngành tiềm năng đã tiến hành đầu tư như cung cấp nước, năng lượng tái tạo và đặc biệt là bất động sản công nghiệp
- ✓ Mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động



Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng
- ✓ Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất
- Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác
- ✓ Nâng cao và hài hòa lợi ích giữa các bên có lợi ích liên quan
- ✓ Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2021

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	2020	2021
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.360.118	7.074.613
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.803	184.497
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	89.507	136.682
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	410	892
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.504.778	5.907.405
5.1	Tài sản ngắn hạn	3.424.720	4.657.233
	Phải thu ngắn hạn	1.880.934	2.531.863
	Hàng tồn kho	1.053.176	1.628.148
5.2	Tài sản dài hạn	1.080.058	1.250.173
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.504.778	5.907.405
6.1	Nợ phải trả	3.182.048	4.543.007
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.019.960	2.293.099
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	211.328	478.274
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.322.730	1.364.398
	<i>Trong đó: lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>241.732</i>	<i>200.173</i>
7	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	252.808	(230.056)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(138.920)	(211.633)
9	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(29.244)	388.935
10	Tiền và tương đương tiền cuối năm	227.057	173.880

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	2020	2021	% TĂNG GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	4.504.778	5.907.405	31,14%
2	Doanh thu thuần	5.360.118	7.074.613	31,99%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	124.370	182.475	46,72%
4	Lợi nhuận khác	1.433	2.022	41,13%
5	Lợi nhuận trước thuế	125.803	184.497	46,66%
6	Lợi nhuận sau thuế	89.507	136.682	52,71%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	10%	10%	0%

Doanh thu hợp nhất tăng đạt mức 7.074,61 tỷ đồng so với 5.360,1 tỷ đồng năm 2020, tăng 31,99%. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng đạt mức 136,7 tỷ đồng so với 89,5 tỷ đồng năm 2020, tăng 52,71%

Tình hình tài sản

- ▶ Tổng tài sản: tăng 31,14% đạt mức 5.907,41 tỷ đồng so với 4.504,8 tỷ đồng năm 2020. Nợ phải trả tăng 42,77% đạt mức 4.543,01 tỷ đồng so với mức 3.182,1 tỷ đồng năm 2020. Vốn chủ sở hữu tăng 3,15% lên mức 1.364,40 tỷ đồng so với mức 1.322,70 tỷ đồng năm 2020.
- ▶ Phải thu ngắn hạn của khách hàng: tăng 34,61% lên mức 2.531,86 tỷ đồng so với mức 1.880,9 tỷ đồng năm 2020.
- ▶ Hàng tồn kho: tăng 54,59% lên mức 1.628,15 tỷ đồng so với mức 1.053,2 tỷ đồng năm 2020.

Tình hình nợ phải trả

- ▶ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 13% lên mức 2.293,1 tỷ đồng so với mức 2.020 tỷ đồng năm 2020. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 126,36% lên mức 478,3 tỷ đồng so với mức 211,3 tỷ đồng năm 2020.
- ▶ Tập đoàn không có nợ quá hạn.

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	2020	2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,15	1,15
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
	Tài sản ngắn hạn	3.424.720	4.657.233
	Nợ ngắn hạn	2.968.944	4.062.864
	Hệ số thanh toán nhanh	0,80	0,75
	Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	2.371.544	3.029.084
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,77
	Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,41	3,33
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho	4,42	4,63
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
	Vòng quay tổng tài sản	1,25	1,36
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,7%	1,9%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	6,8%	10%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2%	2,3%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,3%	2,6%



Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021

HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	2020	KH	TH	% 2021/2020	% TH/KH
Doanh thu (tỷ đồng)	5.562.193	6.000.000	7.260.804	130,5%	121%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	89.507	180.000	136.682	152,7%	75,9%
Cổ tức	10%	10%	10%	100%	100%

Chỉ tiêu doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước và so với kế hoạch là do doanh thu từ các sản phẩm ống inox tăng trưởng mạnh ở thị trường trong nước và xuất khẩu, các ngành hàng mới đã có triển vọng doanh thu tích cực. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất giảm chủ yếu do giá vật tư chính tăng bắt nguồn từ những khó khăn của chuỗi cung ứng trên toàn cầu, dẫn đến giá vốn tăng và giảm lợi nhuận gộp.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- ★ Sở hữu Ban Lãnh đạo mạnh nhất trong các thời kỳ;
- ★ Hệ thống quản trị chuyên nghiệp hơn, khả năng thích ứng hoàn cảnh cao hơn;
- ★ Kaizen tăng công suất và giảm giá thành đạt thành tựu đáng ghi nhận;
- ★ Tăng thị phần ở các ngành chủ đạo: Ống thép, Bồn Inox/Nhựa, Thái dương năng, Bình nước nóng;
- ★ Mở ra cơ hội mới ở các ngành mới: FreeSolar, Điều hòa, xe máy điện, nước và nước thải;
- ★ Tạo ra cơ hội đột phá và phát triển bền vững cho các năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông. Qua giám sát, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.074.613
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	184.497
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.682
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	<i>89.385</i>
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	892
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (31/12/2021)	5.907.405
5.1	Tài sản ngắn hạn	4.657.233
5.2	Tài sản dài hạn	1.250.173
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2021)	5.907.405
6.1	Nợ phải trả	4.543.007
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.364.398

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành năm trong bối cảnh dịch bệnh, thiên tai, mặc dù kết quả kinh doanh của Công ty chỉ đạt 75,9% so với kế hoạch.



Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021

CƠ CẤU DOANH THU THEO NGÀNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NGÀNH	DOANH THU THUẦN	TỶ TRỌNG
1	Gia dụng	2.632.480	37,2%
2	Công nghiệp	2.591.057	36,6%
3	Năng lượng	34.812	0,5%
4	Khác	1.816.264	25,7%
5	Tổng cộng	7.074.613	100,0%

CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	THỊ TRƯỜNG	DOANH THU THUẦN	TỶ TRỌNG
I	Trong nước	5.603.997	79,2%
1	Miền Bắc	4.354.804	61,6%
2	Miền Trung	585.027	8,3%
3	Miền Nam	664.167	9,4%
II	Xuất khẩu	1.470.615	20,8%
1	Ấn Độ	1.166.897	16,5%
2	Myanmar	75.847	1,1%
3	Nga	73.655	1,0%
4	Thổ Nhĩ Kỳ	38.587	0,5%
5	Ba Lan	18.081	0,3%
6	Pháp	16.418	0,2%
7	Italia	12.956	0,2%
8	Indonesia	12.732	0,2%
9	Đài loan	10.716	0,2%

CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	THỊ TRƯỜNG	DOANH THU THUẦN	TỶ TRỌNG
10	Hàn Quốc	10.164	0,1%
11	Ukraine	7.907	0,1%
12	Mexico	5.900	0,1%
13	Ả Rập	5.814	0,1%
14	Mỹ	3.585	0,1%
15	Thụy sỹ	2.861	0,0%
16	Canada	2.311	0,0%
17	Anh	1.702	0,0%
18	Singapore	1.513	0,0%
19	Tây ban Nha	1.494	0,0%
20	UAE	1.476	0,0%
III	Tổng cộng	7.074.613	100,0%

► Về cơ cấu doanh thu theo ngành: ngành gia dụng và ngành công nghiệp vẫn là 2 ngành chủ lực khi chiếm 73,8% trên tổng doanh thu, tỷ trọng doanh thu các ngành khác có xu hướng tăng dần.

► Về cơ cấu doanh thu theo thị trường: doanh thu trong nước chiếm 79,2%; doanh thu xuất khẩu chiếm 20,8%. Trong doanh thu xuất khẩu, thị trường Ấn Độ chiếm tỷ trọng lớn, nhưng các thị trường khác cũng cho thấy sự tăng trưởng tốt trong năm 2021.

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ - THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đơn vị: Triệu đồng

ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN	2021	2020
Ngắn hạn	202.950	199.272
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	202.950	199.272
Dài hạn	6.000	8.000
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000	-
Trái phiếu	3.000	8.000
Cộng	208.950	207.272

(*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 72,4 tỷ VND.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO DỰ ÁN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	DỰ ÁN	CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM
1	Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm (i)	-
2	Dự án nước Hà Đông	7.817
3	Dự án Vân Côn An Thượng (ii)	-
4	Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai (iii)	19.772
5	Dự án KCN Tam Dương	25.774
6	Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)	3.359
7	Dự án khác	42.504
8	Cộng	109.151

NỒI CƠM ĐIỆN KORECOOK

Cơm ngon Chuẩn vị Việt



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA HĐQT TRONG NĂM 2021

- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, sắp xếp, cơ cấu lại chức năng các Phòng/Ban/Trung tâm trực thuộc Công ty mẹ theo mô hình “trực tuyến – chức năng”;
- Tái cơ cấu và quy hoạch phát triển đa ngành, góp vốn thành lập các Công ty như:
 - Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange
 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS Sơn Hà
 - Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà tiếp tục hoạt động kinh doanh trở lại
- Tiến hành thủ tục tăng vốn điều lệ lên 1.501.879.130.000 đồng
- Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2021 đã phê duyệt;
- HĐQT đã quyết định phân công công tác đối với các thành viên trong Ban TGD, Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh như TGD, Phó TGD.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Triển khai kế hoạch tái cơ cấu về mô hình quản lý công ty, ngành nghề kinh doanh, nhân sự phù hợp với mô hình trực tuyến - chức năng.

- Gia tăng đầu tư vào lĩnh vực mới như cung cấp nước và năng lượng tái tạo
- Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để không ngừng đưa các sản phẩm mới được cải tiến về tính năng và thiết kế
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nguồn lực của toàn Tập đoàn
- Nâng cao quyền lợi cho cổ đông góp vốn

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NQ/QĐ	NGÀY	NỘI DUNG
1	22/2021/QĐ-SH	22/02/2021	Quyết định HĐQT v/v miễn nhiệm chức vụ Phó TGD đối với ông Nguyễn Thanh Tùng
2	03/2021/NQ-SH	03/03/2021	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021
3	05/2021/QĐ-SH	05/03/2021	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Phó TGD đối với bà Hoàng Thị Thu Hằng
4	44/2021/QĐ-SH	02/04/2021	Quyết định HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Phó TGD đối với ông Phạm Thế Hùng
5	45/2021/QĐ-SH	02/04/2021	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Hàm Phó TGD đối với ông Dương Tấn Hải
6	52/2021/QĐ-SH	16/04/2021	Quyết định HĐQT về việc thay đổi thời gian Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
7	60/2021/QĐ-SH	29/04/2021	Quyết định HĐQT về việc thay đổi địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
8	12/2021/NQ-SH	06/05/2021	Nghị quyết HĐQT về việc tham gia góp vốn thành lập và cử người Đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS KCN Sơn Hà Đồng Nai
9	67/2021/QĐ-SH	14/05/2021	Quyết định HĐQT Miễn nhiệm chức vụ TGD công ty đối với Ông Nguyễn Việt Hà
10	68/2021/QĐ-SH	14/05/2021	Quyết định HĐQT bổ nhiệm chức vụ TGD công ty đối với Ông Đào Nam Phong
11	69/2021/QĐ-SH	17/05/2021	Quyết định HĐQT về việc tạm hoãn tổ chức Đại hội cổ đông Thường niên 2021
12	17/2021/NQ-SH	20/05/2021	Nghị quyết HĐQT về việc góp vốn thành lập và cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà
13	20/2021/NQ-SH	21/05/2021	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi mẫu dấu tròn của CTCP Quốc tế Sơn Hà
14	79/2021/QĐ-SH	21/05/2021	Quyết định HĐQT về việc tổ chức ĐHCĐ trực tuyến ngày 27/05/2021
15	21/2021/NQ-SH	26/05/2021	Nghị quyết HĐQT về việc góp vốn thành lập và cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp vào CTCP Vietnam Futures Exchange
16	89/2021/QĐ-SH	05/06/2021	Quyết định của HĐQT ban hành quy chế nội bộ về quản trị và quy chế hoạt động của HĐQT
17	23b/2021/NQ-SH	10/06/2021	Nghị quyết HĐQT thông qua nhận chuyển nhượng Tổng công ty TMY
18	25/2021/NQ-SH	10/06/2021	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua phương án chia cổ tức năm 2020
19	27/2021/NQ-SH	14/06/2021	Nghị quyết HĐQT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng
20	27b/2021/NQ-SH	19/06/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Thay đổi người đại diện pháp luật công ty SHT
21	106/2021/QĐ-SH	24/06/2021	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Phó TGD công ty đối với Ông Phạm Thế Hùng
22	29/2021/NQ-SH	29/06/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Lựa chọn Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo Tài chính 2021
23	114/2021/QĐ-SH	16/07/2021	Quyết định HĐQT về việc Hủy lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và hủy danh sách cổ đông đã chốt tại ngày đăng ký cuối cùng
24	33/2021/NQ-SH	22/07/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của SHI

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NQ/QĐ	NGÀY	NỘI DUNG
25	35/2021/NQ-SH	22/07/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức
26	126/2021/QĐ-SH	26/07/2021	Quyết định của HĐQT về việc Miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban Tài chính – Kế toán đối với Ông Nguyễn Tuấn Anh
27	38/2021/NQ-SH	26/07/2021	Nghị quyết HĐQT về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ Công ty
28	40/2021/NQ-SH	26/07/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
29	42/2021/NQ-SH	27/07/2021	Nghị quyết HĐQT v/v điều chỉnh một số nội dung của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Tam Dương I – Khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc”
30	127/2021/QĐ-SH	29/07/2021	Quyết định HĐQT về việc Bổ nhiệm chức vụ Phó TGD Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Lương
31	42a/2021/NQ-SH	31/07/2021	Nghị quyết HĐQT v/v phân công công tác trong HĐQT Tập đoàn
32	128/2021/QĐ-SH	02/08/2021	Quyết định HĐQT v/v Miễn nhiệm chức vụ Người được UQ CBTT đối với ông Nhữ Văn Hoan
33	129/2021/QĐ-SH	02/08/2021	Quyết định HĐQT v/v Bổ nhiệm Người được UQ CBTT đối với ông Đào Nam Phong
34	44/2021/NQ-SH	02/08/2021	Nghị quyết HĐQT v/v Điều chỉnh, cập nhật một số nội dung về mục đích chào bán và chi tiết phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
35	48/2021/NQ-SH	03/08/2021	Nghị quyết HĐQT v/v Cam kết điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh
36	131/2021/QĐ-SH	05/08/2021	Quyết định HĐQT v/v đưa Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà tiếp tục hoạt động kinh doanh trở lại
37	142/2021/QĐ-SH	19/08/2021	Quyết định HĐQT v/v miễn nhiệm chức vụ Phó TGD đối với bà Hoàng Thị Thu Hằng
38	57/2021/NQ-SH	23/09/2021	Nghị quyết HĐQT v/v Điều chỉnh, cập nhật một số nội dung về mục đích và chi tiết phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
39	59/2021/NQ-SH	23/09/2021	Nghị quyết HĐQT v/v thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty
40	61/2021/NQ-SH	24/09/2021	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty
41	63/2021/NQ-SH	15/10/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Thành lập văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quyết định đều tuân thủ theo đúng quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Công ty.

eCool
MADE IN THAILAND

Mang thiên nhiên
đến ngôi nhà bạn



Một sản phẩm của **SONHA** | **1800 6566**

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (ĐẾN NGÀY 31/12/2021)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỈ LỆ SỞ HỮU
I	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng Ban	0%
II	Bà Trần Thị Thủy	Thành viên	0%
III	Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	0%

BKS hoạt động trên cơ sở kết hợp giữa việc giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trong quá trình hoạt động, BKS luôn giữ thái độ nghiêm túc, khách quan, cẩn trọng khi kiểm soát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giám sát việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2021 của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD).

BKS đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của Công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng Ban TGD, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, BKS đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do Ban TGD và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.

Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp.

BKS đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động và các quyết định của HĐQT, BTGD. BKS cũng được cung cấp một cách tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan. Đồng thời, BKS vẫn luôn giữ liên hệ với các cổ đông, tiếp thu ý kiến phản hồi của các cổ đông.

Trong năm 2021, Công ty đã xây dựng được hệ thống phân quyền đã bước đầu trong việc cụ thể hóa các chức năng nhiệm vụ của BLĐ cấp cao và trưởng các Khối Ban ngành nhằm đảm bảo hoạt động đúng định hướng, kiểm soát công việc cụ thể đến từng nhân viên. Ban KTNB kiến nghị xây dựng hệ thống đánh giá KPI; yêu cầu để hệ thống KPI có hiệu quả là: rõ ràng dễ hiểu, cập nhật thường xuyên và sát với công việc hàng ngày của từng vị trí; Hoạt động đánh giá nhân lực phải diễn ra ít nhất là 1 năm 2 lần để nâng cao trình độ của các bộ phận đặc biệt là bộ phận hỗ trợ không áp theo doanh số của kinh doanh.

Công ty cơ bản đã đáp ứng các quy định về quản trị công ty đại chúng; công bố thông tin; cơ cấu các cơ quan quản lý điều hành.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

Thù lao của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, quy chế lương, thưởng của Công ty

THÙ LAO CỦA HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (ĐỒNG)
I	Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	144.000.000
II	Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	54.000.000
III	Ông Đào Nam Phong	Thành viên	31.500.000
IV	Ông Nguyễn Viết Hà	Thành viên	22.500.000
V	Ông Nhĩ Văn Hoan	Thành viên	36.000.000
VI	Ông Kiều Đức Lâm	Thành viên độc lập	54.000.000
VII	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	54.000.000
VIII	Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	31.500.000
TỔNG CỘNG			427.500.000

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO (ĐỒNG)
I	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	48.000.000
II	Bà Trần Thị Thủy	Thành viên	24.000.000
III	Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	24.000.000
TỔNG CỘNG			96.000.000

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông chốt ngày 13/12/2021

TT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	67.568.304	67,21	7	1	6
	Trong nước	67.568.304	67,21	7	1	6
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	318.860	0,32	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	32.648.543	32,47	5.975	48	5.927
	Trong nước	32.467.895	32,29	5.913	37	5.876
	Nước ngoài	180.648	0,18	62	11	51
TỔNG CỘNG		100.535.707	100,0	5.982	49	5.933
	Trong nước	100.355.059	99,82	5.920	38	5.882
	Nước ngoài	180.648	0,18	62	11	51

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	Ông Lê Vinh Sơn	160.686.810.000	146.078.920.000
II	Các cổ đông khác	844.670.260.000	768.180.350.000
	Cộng	1.005.357.070.000	914.259.270.000

Trong năm 2021, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông, dẫn đến thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty là 318,860 cổ phiếu, Trong năm, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ	
		CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)
1	Đoàn Thị Tuyết	3.217.037	3,52%	6.250.412	6,84%
2	Lê Phương Trang	4.571.179	5%	8.800.226	9,63%
3	Nguyễn Thị Hoa	2.762.627	3,02%	8.800.319	9,63%
4	Nguyễn Thương Huyền	1.343.775	1,47%	9.852.442	10,78%
5	Đinh Văn Mạnh	3.100.520	3,4%	4.800.000	5,52%



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công tác điều hành, sản xuất nhằm bảo vệ môi trường tốt hơn.
- Trong năm 2021, Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường
- Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động, đảm bảo được việc làm, tiền lương, chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ khác cho người lao động.
- Công ty luôn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, hỗ trợ các chương trình do địa phương phát động.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY/ENVIRONMENT - SOCIAL - GOVERNANCE (ESG) REPORT OF THE COMPANY

Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Lượng phát thải khí nhà kính GHG của tập đoàn Sơn Hà chủ yếu phát sinh trực tiếp do sử dụng điện và gas phục vụ cho quá trình sản xuất.

Tổng lượng khí nhà kính GHG phát sinh khoảng 18,290 Ton CO₂/năm

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/Measures and initiatives to reduce GHG emission.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

Nguyên vật liệu chủ yếu được sử dụng trong sản xuất của công ty là Inox và bột nhựa. Tất cả các nguyên vật liệu đều có nguồn gốc rõ ràng và được kiểm tra khi nhập kho.

► Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT

TT	HẠNG MỤC THỐNG KÊ	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG LƯỢNG SỬ DỤNG 2021
1	Tổng lượng nguyên vật liệu sản xuất	Inox, tôn, thép, nhôm, thủy tinh, nhựa, phụ kiện khác	Tấn 60.102
2	Nguyên vật liệu đóng gói	Tem nhãn, túi nilon, thùng carton, băng dính, màng co, dây buộc, gỗ pallet	Tấn 1.265

► Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

► Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT

TT	HẠNG MỤC THỐNG KÊ	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG LƯỢNG SỬ DỤNG 2021
1	Điện	Kwh	19,584,103
2	Gas	Tấn	116.0

► Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

► Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption (water consumption of business activities in the year).

► Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/Water supply and amount of water used.

Tất cả nhà máy thuộc tập đoàn Sơn Hà đều sử dụng nguồn nước sạch.

Tổng lượng sử dụng: 41,327.5 m³/năm.

► Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/Percentage and total volume of water recycled and reused.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

► Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

Tập đoàn Sơn Hà luôn hoạt động theo yêu cầu quy định của pháp luật, Trong năm 2021, tập đoàn không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

► Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

Tập đoàn không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lượng lao động năm 2021: 536 CBCNV
- Số lao động TB/năm 2021: 525 CBCNV/tháng
- Mức lương TB: 15.844.000 VNĐ/người

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Tập đoàn Sơn Hà tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV vào tháng 9, 10. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng có những gói bảo hiểm sức khỏe nhân thọ cho cấp cán bộ quản lý cấp cao.

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Trong năm 2021, Tập đoàn đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống Covid để có những biện pháp chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ đạo của Chính phủ, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố theo từng giai đoạn. Đồng thời, Ban lãnh đạo Tập đoàn cũng có những chính sách, chế độ hỗ trợ CBCNV làm việc từ xa/ngỉ tạm thời, nhằm đảm bảo sức khỏe và đời sống cho CBCNV vượt qua giai đoạn khó khăn. Ngoài các chế độ về lương, thưởng, lãnh đạo Tập đoàn cũng vô cùng quan tâm đến các chế độ phúc lợi dành cho CBCNV.

Cụ thể:

TT	CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI	TT	CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI
1	Tết Dương lịch 01/01	6	Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10
2	Tết Âm lịch	7	Ngày Tết Thiếu nhi 01/06
3	Ngày Quốc tế phụ nữ 08/03	8	Ngày Tết Trung thu
4	Ngày chiến thắng 30/04 - Quốc tế lao động 01/05	9	Sinh nhật Người lao động
5	Ngày Quốc khánh 02/09	10	Nghỉ mát hè: 01 lần/năm

Hoạt động đào tạo

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Mỗi CB Quản lý tham gia đào tạo trung bình 20h/ năm
- Mỗi CB cấp Chuyên viên, Nhân viên tham gia đào tạo trung bình 36h/ năm

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

- Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức: Văn hóa ứng xử, quan hệ lao động, pháp luật lao động
- Chương trình đào tạo kỹ năng mềm quan trọng cần thiết: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp, Tư duy tích cực, Kỹ năng quản trị sự thay đổi, Trí tuệ cảm xúc EQ, Tư duy phản biện...
- Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Bán hàng, Kế toán, Nhân sự...
- Chương trình đào tạo quản lý cho Quản lý cấp Trung
- Chương trình đào tạo đội ngũ Giảng viên nội bộ

Tổ chức các buổi chào mừng ngày lễ đặc biệt như Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, đón Giáng sinh...



Tổ chức các cuộc thi giữa các đơn vị với nhau như: Cuộc thi nấu ăn "Giữ lửa yêu thương", Giải bóng đá Sơn Hà Mini Cup,...



Một số hình ảnh chương trình đào tạo phát triển kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công nhân viên các cấp.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Một trong những cam kết mà Sơn Hà luôn theo đuổi là thực hiện trách nhiệm xã hội bằng những chương trình thiện nguyện, hướng tới đích đến trong hành trình phát triển chung của xã hội.

- Tặng cây nước nóng lạnh cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận Đống Đa (TP. Hà Nội)
- Tặng nồi cơm điện Koreacook và bồn nhựa Sơn Hà cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Sóc Sơn (TP. Hà Nội)
- Tặng bồn nước inox cho Quỹ “Vì người nghèo” của Ban Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hà Nội
- Tặng bồn inox, máy lọc nước cho chiến sĩ, người dân trên huyện đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)



HOẠT ĐỘNG ỦNG HỘ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

Trong năm 2021, một năm đầy cam go và thử thách với toàn xã hội khi phải đối mặt với sự bùng phát của đại dịch Covid, Tập đoàn Sơn Hà đã đóng góp hơn 11 tỷ đồng vào những hoạt động phòng chống dịch bệnh. Tiêu biểu là các hoạt động sau đây:

- Ủng hộ quỹ vắc xin phòng, chống Covid-19 của UBMTTQ Việt Nam TP. Hà Nội
- Tài trợ cho ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 huyện Đan Phượng, quận Bắc Từ Liêm (TP. Hà Nội), huyện Tam Dương (tỉnh Vĩnh Phúc)
- Trao tặng bồn chứa oxy cho Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng (TP. Hà Nội)
- Tài trợ bình nước nóng tiếp sức cho các y, bác sĩ đang điều trị bệnh nhân Covid-19
- Trao tặng xe máy điện EVGO cho Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid 19 của phường Xuân Tảo (quận Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội)
- Tài trợ khẩu trang kháng khuẩn cho các cán bộ phòng chống dịch





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

■ Khái quát công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã hai mươi hai (22) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ hai mươi hai (22) ngày 18 tháng 8 năm 2021 về việc tăng vốn điều lệ.

■ Trụ sở chính

- Địa chỉ: số 2, Phố Thanh Lâm - Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Văn phòng giao dịch: Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 62 65 65 66
- Fax: (024) 62 65 65 88

■ Công ty có các chi nhánh trực thuộc sau

TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
1	Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Hải Dương 2	Khu dân cư Ninh Chấp 7, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
3	Chi nhánh Phú Thọ	Khu 7, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
4	Chi nhánh Ninh Bình	Phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành Phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5	Chi nhánh Ninh Bình 2	Km2, đường 12 B, phố Tân Nhất, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
6	Chi nhánh Hà Nam	Số nhà 81, đường Lê Hoàn, tổ 6, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Hà Nam 02	Xóm 3, xã Tràng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
8	Chi nhánh Xuân Mai	Thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
9	Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
10	Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
11	Chi nhánh Thái Nguyên 2	Tổ 3, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
12	Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
13	Chi nhánh Tuyên Quang 2	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
14	Chi nhánh Sơn Tây	Quốc Lộ 21, thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội
15	Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
16	Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
17	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
18	Chi nhánh Sơn La	Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
19	Chi nhánh Sơn La 2	Km 181, Quốc lộ 6, số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
20	Chi nhánh Hòa Bình	Xóm 1, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
21	Chi nhánh Bắc Giang	Thôn 9, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
22	Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
23	Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
24	Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
25	Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
26	Chi nhánh Thái Bình 2	Xóm 7, thôn Trình Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
27	Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
28	Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng 1, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
29	Chi nhánh Quốc Oai	Cạnh cây xăng Cửa Sâu, thôn Đồng Lữ, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
30	Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
31	Chi nhánh Nam Định 2	Khu 3, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
32	Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
33	Chi nhánh Hưng Yên 2	Đội 7, thôn Phương Thông, xã Phương Chiểu, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
34	Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
35	Chi nhánh Quảng Ninh 2	Tổ 79, khu 7, phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
36	Chi nhánh Quảng Ninh 3	Khu Quy Hoạch Trại Tinh, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
37	Chi nhánh Điện Biên	Đội 7A, Hợp tác xã Pom Lót, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
38	Chi nhánh Phú Thọ 2	Khu 7, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
39	Chi nhánh Hà Giang	Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
40	Chi nhánh Đông Anh	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
41	Chi nhánh Vĩnh Phúc 2	Phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
42	Chi nhánh Lai Châu	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
43	Chi nhánh Bắc Kạn	Số 193, tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
44	Chi nhánh Lạng Sơn	Thôn Khòn Pát, xã Mai Pha, Thành Phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,....;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp;

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TÁI BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Lê Vinh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Đào Nam Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Kiều Đức Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Văn Hoan	Thành viên	Từ nhiệm ngày 23 tháng 8 năm 2021
Ông Nguyễn Viết Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Đào Nam Phong	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Viết Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2021
Ông Đỗ Thành Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Ông Dương Tấn Hải	Hàm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2021
Ông Hoàng Mạnh Tân	Hàm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2021
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2021
Ông Nhữ Văn Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TÁI BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	Ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên	Ngày 05 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 05 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Vinh Sơn – Chủ tịch HĐQT.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn
Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

CHI NHÁNH HÀ NỘI



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.657.232.545.178	3.424.719.897.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	173.879.995.491	227.057.158.023
1. Tiền	111		156.095.040.879	183.018.554.669
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.784.954.612	44.038.603.354
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		202.949.655.953	199.272.216.533
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.1	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	202.949.655.953	199.272.216.533
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.531.863.113.378	1.880.934.368.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.978.173.872.255	1.657.447.160.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	464.313.380.881	104.977.331.415
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.968.000.000	912.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	97.109.185.908	126.495.163.442
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.016.914.407)	(10.584.205.818)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.1	1.315.588.741	1.686.918.101
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.628.148.408.354	1.053.176.293.319
1. Hàng tồn kho	141		1.628.148.408.354	1.053.176.293.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.391.372.002	64.279.861.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	12.590.752.557	13.826.622.474
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104.812.236.054	48.997.654.952
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	2.988.383.391	1.455.584.124
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.250.172.627.829	1.080.058.230.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.460.898.621	4.120.701.105
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	6.256.300.854	4.916.103.338
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		760.067.175.239	745.544.036.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	654.778.448.711	675.971.484.182
<i>Nguyên giá</i>	222		1.203.302.433.238	1.159.029.793.197
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(548.523.984.527)	(483.058.309.015)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	89.069.990.611	53.366.234.835
<i>Nguyên giá</i>	225		110.440.626.318	67.638.516.928
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(21.370.635.707)	(14.272.282.093)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.218.735.917	16.206.317.738
<i>Nguyên giá</i>	228		27.711.491.936	26.313.172.786
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.492.756.019)	(10.106.855.048)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		158.859.367.886	146.618.870.935
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	158.859.367.886	146.618.870.935
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		185.024.806.837	22.560.723.342
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	176.314.806.837	11.850.723.342
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	34.115.778.616	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(31.405.778.616)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	6.000.000.000	8.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		140.760.379.246	161.213.898.763
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	136.773.460.483	156.513.863.760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	3.986.918.763	4.700.035.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	V.8	5.907.405.173.007	4.504.778.128.346

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.543.007.115.733	3.182.048.296.531
I. Nợ ngắn hạn	310		4.062.863.601.791	2.968.943.904.380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	654.735.018.191	354.213.779.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	594.822.140.951	44.649.281.694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	32.515.853.269	24.240.088.860
4. Phải trả người lao động	314		47.938.411.157	45.118.194.120
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	24.303.282.745	35.436.293.221
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.307.283.079	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	398.862.554.239	428.361.763.985
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	2.293.099.265.198	2.019.960.183.511
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.924.083.163	3.054.041.419
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	12.355.709.799	13.910.277.644
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		480.143.513.942	213.104.392.151
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	892.165.566	734.522.866
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	478.274.097.412	211.328.653.198
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	977.250.964	1.041.216.087
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.364.398.057.274	1.322.729.831.815
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.364.398.057.274	1.322.729.831.815
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.005.357.070.000	914.259.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.005.357.070.000	914.259.270.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		49.604.200.000	42.897.500.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.572.338.932)	(491.101.295)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.396.303.797	37.260.540.686
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		209.828.408	209.828.408
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126.323.115.239	138.955.284.782
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.937.642.171	138.955.284.782
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.385.473.068	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		200.173.104.382	241.731.734.854
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.907.405.173.007	4.504.778.128.346

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.260.803.805.751	5.562.192.633.629
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	186.191.109.614	202.074.366.120
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.074.612.696.137	5.360.118.267.509
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6.201.055.173.831	4.646.185.663.131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		873.557.522.306	713.932.604.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	26.463.472.077	24.319.207.367
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	190.436.003.814	178.306.004.101
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>146.565.542.880</i>	<i>155.472.537.037</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		964.083.495	376.052.028
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	364.726.161.774	291.082.539.110
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	163.348.079.606	144.868.999.019
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		182.474.832.684	124.370.321.543
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3.752.350.023	11.995.139.235
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.730.368.733	10.562.466.025
14. Lợi nhuận khác	40		2.021.981.290	1.432.673.210
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		184.496.813.974	125.802.994.753
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	47.814.514.393	36.296.186.439
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		136.682.299.581	89.506.808.314
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		89.385.473.068	44.059.698.428
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		47.296.826.513	45.447.109.886
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	892	410
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	892	410

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		184.496.813.974	125.802.994.753
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		83.664.557.693	84.625.226.251
- Các khoản dự phòng	03		238.785.210	4.057.310.150
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.564.928.767	3.691.295
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.450.249.820)	(14.715.514.448)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	146.565.542.880	155.472.537.037
- Các khoản điều chỉnh khác	07		501.125.000	196.625.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		408.581.503.704	355.442.870.038
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(714.835.398.708)	(278.672.754.011)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(551.613.322.775)	(627.693.687)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		789.151.704.614	366.170.451.735
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		20.976.273.194	8.484.670.320
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(134.322.592.796)	(156.066.459.970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(43.467.914.508)	(40.444.806.124)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(4.525.873.089)	(1.478.107.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(230.055.620.364)	252.808.170.755

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(84.043.835.773)	(166.519.338.275)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	21.405.592.788	120.884.569
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.771.243.743)	(303.256.339.887)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		199.093.804.323	257.240.603.354
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(163.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	5.382.953.316	59.999.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.799.555.916	13.495.125.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(211.633.173.173)	(138.919.664.588)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	6.219.370.444.725	4.445.724.895.776
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(5.729.602.234.057)	(4.417.108.680.346)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(21.961.439.679)	(14.475.526.222)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.871.947.353)	(43.384.660.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		388.934.823.636	(29.243.971.292)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(52.753.969.901)	84.644.534.875
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	227.057.158.023	142.416.314.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(423.192.631)	(3.691.295)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	173.879.995.491	227.057.158.023

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,....;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 16+ trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Nhìn chung, năm 2021 Tập đoàn vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 17 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 131/2021/QĐ-SH ngày 05 tháng 8 năm 2021, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà quyết định tái hoạt động Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà, trụ sở chính: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và thực hiện bàn giao tài sản, công nợ theo biên bản bàn giao 01.10/2021/BGV-SH ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Theo Nghị quyết số 0212/2021/NQ-SH ngày 02 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà quyết định tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam từ 290.000.000.000 VND lên 320.000.000.000 VND theo hình thức góp vốn bằng tiền. Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045 thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901891940 ngày 30 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển 5.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã góp bổ sung 4.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

Cam kết góp vốn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109318947 ngày 21 tháng 8 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà. Trụ sở chính tại lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vốn đầu tư cam kết là 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện góp vốn theo cam kết.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

CÔNG TY CON TRỰC TIẾP					
TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYẾT BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương Năng	50,38%	50,38%	50,38%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	75,74%	69%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Sonha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Bauktaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%	52,5%	52,5%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Dịch vụ Logistic	100%	100%	100%

CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYẾT BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%	70,62%	74,34%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	24,71%	51%

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYẾT BIỂU QUYẾT
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, Lê Đại Hành, P. Đông Kinh, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 Thanh Lâm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	40,8%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	30%	46,15%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá	30%	41,28%	30%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 2118 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.825 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu).

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí Showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí Showroom

Chi phí Showroom được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm, được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã và sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	11.660.015.200	9.047.411.614
Tiền gửi ngân hàng	144.059.350.566	173.955.480.535
Tiền đang chuyển	375.675.113	15.662.520
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	17.784.954.612	44.038.603.354
Cộng	173.879.995.491	227.057.158.023

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	202.949.655.953	199.272.216.533
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	202.949.655.953	199.272.216.533
Dài hạn	6.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	-
Trái phiếu	3.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	208.949.655.953	207.272.216.533

(*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 72.400.000.000 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh ngay sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh ngay sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	-	-	-	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	940.395.974	12.791.119.316	12.259.031.850	(408.308.508)	11.850.723.342
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	55.896.151	45.027.789.903	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	(1.367.245)	59.998.632.755	-	-	-
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(2.735.137)	44.997.264.863	-	-	-
Cộng	175.759.031.850	964.083.495	176.314.806.837	43.664.810.466	(31.814.087.124)	11.850.723.342

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM	GIẢM DO THOÁI VỐN	LÃI LỖ CÔNG TY LIÊN KẾT	CHI TRẢ CỔ TỨC	GIẢM DO CÔNG TY LIÊN KẾT TRÍCH LẬP QUỸ	SỐ CUỐI NĂM
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	11.850.723.342	-	1.757.404.280	(674.624.340)	(142.383.966)	12.791.119.316
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	-	13.500.000.000	-	-	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS Sơn Hà	-	45.000.000.000	27.789.903	-	-	45.027.789.903
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	-	60.000.000.000	(1.367.245)	-	-	59.998.632.755
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	-	45.000.000.000	(2.735.137)	-	-	44.997.264.863
Cộng	11.850.723.342	163.500.000.000	1.781.091.801	(674.624.340)	(142.383.966)	176.314.806.837

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty liên kết mới thành lập đang trong giai đoạn chuẩn bị công tác ban đầu để đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn, cụ thể:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Nhận cổ tức từ Cấp thoát nước Lạng Sơn	674.624.340	604.141.200
Cung cấp dịch vụ cho Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.039.363.636	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	34.115.778.616	(31.405.778.616)	2.710.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà(*)	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-	-
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000	-	2.710.000.000	-
Cộng	34.115.778.616	(31.405.778.616)	2.710.000.000	-

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà tăng vốn góp điều lệ dẫn đến tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn giảm từ 20,14% xuống 8,58%. Do vậy, tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.353.306.539	12.085.203.559
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	14.697.053.750	11.017.585.278
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.143.300.000	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	835.674.789	571.840.281
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ SAKURA	99.000.000	99.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	99.000.000	99.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	479.278.000	297.778.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	1.960.820.565.716	1.645.361.957.322
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	284.341.423.396	239.026.432.242
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	298.413.860.722	296.025.458.661
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	202.872.506.066	154.268.468.157
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	181.206.932.861	140.575.583.488
Các khách hàng khác	993.985.842.671	815.466.014.774
Cộng	1.978.173.872.255	1.657.447.160.881

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	158.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phương Nam (*)	158.000.000.000	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	306.313.380.881	104.977.331.415
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh (*)	57.000.000.000	28.883.749.447
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc (*)	50.000.000.000	23.355.550.863
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long (**)	65.825.278.338	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox Lê Gia (**)	68.353.890.644	-
Các nhà cung cấp khác	65.134.211.899	52.738.031.105
Cộng	464.313.380.881	104.977.331.415

(*) Là khoản tạm ứng thực hiện các hợp đồng thi công xây dựng hạng mục thuộc dự án Khu công nghiệp Tam Dương – Vĩnh Phúc, lần lượt theo các hợp đồng số 1012/2021/HĐTC/SH-PHƯƠNG NAM, 1512/2021/HĐTCXD-SH-MN, 22-12/2021/HĐTC/SH-NM.

(**) Là khoản tạm ứng tiền mua bán hàng hóa trong năm 2022 theo các Hợp đồng đặt cọc lần lượt là 0532/HĐĐC/SH-TL, 0501/HĐĐC/SH-TL và có giá trị đến hết 31/12/2022, khoản đặt cọc này được nhận lại bằng tài sản tương đương hoặc được trừ trực tiếp vào nghĩa vụ thanh toán trong từng Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ vay tín chấp theo các hợp đồng số 01/HĐCV/SHE-FJ/2020 với phụ lục gia hạn số 02/PLHĐCV/SHE-FJ/2022 và hợp đồng số 02/HĐCV/SHE-FJ/2021, với lãi suất từ 7%/năm đến 10%/năm. Gốc vay đáo hạn lần lượt vào các ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 04 tháng 5 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.012.055.044	-	52.994.750	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh Nước sạch Sơn Hà	5.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	6.596.044	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Lương	4.950.000.000	-	-	-
Các bên liên quan	-	-	2.535.750	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	92.097.130.864	-	126.442.168.692	(3.695.556.309)
Ông Đào Văn Nam – tạm ứng dự án	8.833.144.070	-	-	-
Bà Đào Thị Thảo – tạm ứng dự án	-	-	10.510.163.760	-
Ông Nguyễn Hữu Tuấn – tạm ứng dự án	-	-	7.999.990.000	-
Tạm ứng của cá nhân khác	29.303.335.016	-	5.601.750.980	-
Ký cược, ký quỹ	16.228.731.990	-	11.142.849.380	-
Tiền đặt cọc dự án – Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	-	-	35.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	37.731.919.788	(3.695.556.309)	56.187.414.572	(3.695.556.309)
Cộng	97.109.185.908	(3.695.556.309)	126.495.163.442	(3.695.556.309)

6b. Phải thu dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	5.460.898.621	-	4.120.701.105	-
Ông Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Cộng	6.256.300.854	(795.402.233)	4.916.103.338	(795.402.233)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	trên 3 năm	3.540.903.520 (3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	trên 3 năm	1.891.351.348 (1.891.351.348)
Các đối tượng khác	từ 6 tháng đến trên 3 năm	10.827.456.998	(6.380.061.772)	trên 3 năm	6.622.357.667 (5.947.353.183)
Cộng		16.259.711.866	(11.812.316.640)	12.054.612.535	(11.379.608.051)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	10.584.205.818	795.402.233	11.379.608.051
Trích lập dự phòng bổ sung	432.708.589	-	432.708.589
Số cuối năm	11.016.914.407	795.402.233	11.812.316.640

8. Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	210.394.290.416	-	64.846.224.502	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	721.254.967.653	-	403.551.994.672	-
Công cụ, dụng cụ	10.625.481.308	-	9.430.748.578	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.857.256.247	-	9.379.090.284	-
Thành phẩm	299.143.585.096	-	190.507.951.293	-
Hàng hóa	374.816.986.854	-	375.388.258.399	-
Hàng gửi bán	55.840.780	-	72.025.591	-
Cộng	1.628.148.408.354	-	1.053.176.293.319	-

(*) Một số nguyên liệu vật liệu và bán thành phẩm tồn kho tại kho Nhà máy Phùng, giá trị tại 31/12/2021 là 862.453.718.465 VND đã được dùng thế chấp để bảo đảm các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (xem thuyết minh số V.20a).

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí bảo hiểm	983.219.822	817.160.301
Công cụ dụng cụ	1.318.442.237	981.912.156
Chi phí quảng cáo	1.879.400.745	190.310.344
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	3.621.453.196	4.400.306.313
Chi phí dự án	-	3.037.910.806
Chi phí sửa chữa	338.406.494	1.060.079.114
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.449.830.063	3.338.943.440
Cộng	12.590.752.557	13.826.622.474

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công cụ dụng cụ	11.660.107.179	11.651.917.852
Chi phí thuê đất	48.974.350.736	50.171.506.080
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	5.666.176.064	4.119.552.098
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	5.630.230.662	7.070.460.038
Chi phí quảng cáo	672.800.970	2.536.039.299
Showroom	47.273.588.552	66.863.099.276
Các chi phí trả trước dài hạn khác	16.896.206.320	14.101.289.117
Cộng	136.773.460.483	156.513.863.760



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. Tài sản cố định hữu hình

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	CỘNG
Nguyên giá					
Số đầu năm	444.420.284.104	542.595.633.048	157.210.694.808	14.803.181.237	1.159.029.793.197
Mua trong năm	62.543.750	19.477.846.883	2.840.319.209	3.140.707.353	25.521.417.195
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.108.291.397	36.300.486.978	2.483.261.182	-	46.892.039.557
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	6.366.620.501	-	6.366.620.501
Thanh lý, nhượng bán	(8.234.486.601)	(18.584.150.385)	(2.170.473.468)	-	(28.989.110.454)
Giảm khác	(2.517.983.339)	(2.568.694.082)	(202.362.500)	(229.286.837)	(5.518.326.758)
Số cuối năm	441.838.649.311	577.221.122.442	166.528.059.732	17.714.601.753	1.203.302.433.238
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	10.487.457.793	95.873.077.176	10.186.518.056	7.778.517.673	124.325.570.698
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	89.900.532.899	315.497.640.028	67.001.584.610	10.658.551.478	483.058.309.015
Khấu hao trong năm	20.520.902.465	35.808.684.834	13.374.721.876	1.895.369.235	71.599.678.410
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	-	3.558.213.628	-	3.558.213.628
Thanh lý, nhượng bán	(343.103.610)	(5.613.347.490)	(1.118.222.429)	-	(7.074.673.529)
Giảm khác	(1.442.590.558)	(902.652.408)	(149.835.681)	(122.464.350)	(2.617.542.997)
Số cuối năm	108.635.741.196	344.790.324.964	82.666.462.004	12.431.456.363	548.523.984.527
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	354.519.751.205	231.309.033.923	90.209.110.198	4.144.629.759	675.971.484.182
Số cuối năm	333.202.908.115	227.097.993.020	83.861.597.728	5.283.145.390	654.778.448.711

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 438.225.950.329 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	CỘNG
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.463.752.348	40.174.764.580	67.638.516.928
Mua trong năm	39.390.709.664	9.759.202.728	49.149.912.392
Trả lại tài sản thuê tài chính	-	(6.347.803.002)	(6.347.803.002)
Số cuối năm	66.854.462.012	43.586.164.306	110.440.626.318
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-

	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	CỘNG
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	5.801.603.307	8.470.678.786	14.272.282.093
Khấu hao trong năm	5.399.082.733	5.257.484.509	10.656.567.242
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(3.558.213.628)	(3.558.213.628)
Số cuối năm	11.200.686.040	10.169.949.667	21.370.635.707
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.662.149.041	31.704.085.794	53.366.234.835
Số cuối năm	55.653.775.972	33.416.214.639	89.069.990.611

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	BẢN QUYỀN BẢNG SÁNG CHẾ	CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM	CỘNG
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.094.043.597	7.219.129.189	26.313.172.786
Mua trong năm	-	1.453.380.000	1.453.380.000
Giảm khác	-	(55.060.850)	(55.060.850)
Số cuối năm	19.094.043.597	8.617.448.339	27.711.491.936
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	3.086.943.277	3.086.943.277
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.322.224.014	4.784.631.034	10.106.855.048
Khấu hao trong năm	539.242.944	869.069.097	1.408.312.041
Giảm khác	-	(22.411.070)	(22.411.070)
Số cuối năm	5.861.466.958	5.631.289.061	11.492.756.019
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.771.819.583	2.434.498.155	16.206.317.738
Số cuối năm	13.232.576.639	2.986.159.278	16.218.735.917

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.395.375.612 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	SỐ ĐẦU NĂM	CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN TĂNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	KẾT CHUYỂN VÀO CHI PHÍ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Mua sắm tài sản cố định	363.473.240	9.925.181.182	(2.483.261.182)	(308.349.839)	7.497.043.401
Xây dựng cơ bản dở dang	146.255.397.695	99.225.331.310	(45.822.177.425)	(35.894.312.292)	151.362.324.485
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm ⁽ⁱ⁾	4.750.000.000	-	-	-	4.750.000.000
Dự án nước Hà Đông ⁽ⁱⁱ⁾	54.645.936.824	7.817.006.523	(36.119.429.658)	(3.185.039.324)	5.814.418.459
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	59.428.938.130	19.772.084.914	-	-	84.143.164.147
Dự án KCN Tam Dương ^(iv)	2.492.875.351	25.773.568.614	-	-	28.266.443.965
Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)	11.031.584.641	3.359.018.211	-	(8.195.580.000)	6.195.022.852
Dự án khác	13.906.062.749	42.503.653.048	(9.702.747.767)	24.513.692.968	22.193.275.062
Cộng	146.618.870.935	109.150.512.492	(48.305.438.607)	(36.202.662.131)	158.859.367.886

- (i) Dự án tại lô đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư và được UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản chính thức của các Sở ban ngành về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước.
- (ii) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông được Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 5760/QĐ - UBND ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3757/QĐ - UBND ngày 25/07/2018 với liên doanh hai nhà thầu là Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 91/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 30/5/2017. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020, giai đoạn 2 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2021, giai đoạn 3 đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản và dự kiến hoàn tất trong Quý 2 năm 2022.
- (iii) Dự án Xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Theo quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND thành phố Hà Nội thì dự án sẽ hoàn thành trong quý 3/2020 (công tác thi công hoàn thành trong Quý 2/2020). Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, ngày 19/11/2020 UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Công văn số 10090/VP-ĐT về việc chấp thuận cho phép liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà giãn tiến độ thực hiện dự án đến hết ngày 31/3/2021. Cho đến thời điểm hiện tại, dự án đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản dự kiến hoàn tất trong Quý 1 năm 2022.
- (iv) Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I- khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 336/QĐ-TTg ngày 10/3/2021. Hiện tại dự án đang tiếp tục được triển khai thực hiện với tiến độ thực hiện dự án không quá 36 tháng kể từ ngày được Nhà nước bàn giao đất. Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 336/QĐ-TTg ngày 10/3/2021. Dự án được Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3163852766 ngày 01 tháng 6 năm 2021. Hiện tại dự án đang tiếp tục được triển khai thực hiện với tiến độ thực hiện dự án không quá 36 tháng kể từ ngày được Nhà nước bàn giao đất.

14. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	4.700.035.003	5.413.151.243
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
Số cuối năm	3.986.918.763	4.700.035.003

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	90.032.072.929	2.742.975.564
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.712.402.125	2.712.402.125
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	87.289.097.365	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	564.702.945.262	351.470.804.362
Công ty TNHH POSCO VST	96.934.903.178	94.730.812.208
Công ty Cổ phần TVL	12.814.787.529	15.191.948.682
Hanwa Co.,tld., Tokyo	103.508.769.777	-
Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Đông	37.299.014.204	29.178.576.517
Công ty Hyosung TNC Corporation	-	48.367.442.116
Canadian Solar South East Asia PTE Ltd	-	9.940.525.468
Ningbo Ningshing Trading Group Inc	18.786.416.611	10.570.044.230
Các nhà cung cấp khác	295.359.053.963	143.491.455.141
Cộng	654.735.018.191	354.213.779.926

Tập đoàn không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện tử và Viễn thông Việt Nam ^(*)	545.632.845.696	-
Metallica Metals India	-	2.411.209.980
Các khách hàng khác	49.189.295.255	42.238.071.714
Cộng	594.822.140.951	44.649.281.694

^(*) Hợp đồng số 0110/2021/HĐHT/SH-VNET ngày 01 tháng 10 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Công nghệ Điện tử và Viễn thông Việt Nam để được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng tối đa 10ha đất đầu tiên trong tất cả các vị trí đất của Dự án Khu công nghiệp Tam Dương, Vĩnh Phúc ngay sau khi Dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3770038731 ngày 14 tháng 10 năm 2016 do Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (đến hết năm 2019) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (đến hết năm 2028) do thực hiện Dự án Đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội:

Đối với diện tích 8.792,7 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m². Trong năm, Công ty được giảm tiền thuê đất theo quyết định số 45439/QĐ-CTHN-QLĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 với số tiền là 30.511.548 VND.

Đối với diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m². Công ty được phép chuyển số tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian được miễn tiền thuê đất (từ ngày 08/11/2006 đến ngày 05/7/2007 và từ ngày 25/8/2007 đến ngày 06/6/2008) sang tiền thuê đất của năm 2020 là 2.016.896.000 VND và năm 2021 là 714.970.000 VND. Trong năm, công ty được giảm tiền thuê đất theo quyết định số 55892/QĐ-CTHN-QLĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 605.068.800 VND.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

	SỐ ĐẦU NĂM		SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	PHẢI NỘP	PHẢI THU	SỐ PHẢI NỘP	SỐ ĐÃ THỰC NỘP	PHẢI NỘP	PHẢI THU
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.045.820.266	20.068.972	49.247.910.970	(44.492.164.302)	11.788.055.135	40.039.268
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	278.344.988.041	(278.418.304.130)	34.874.279	108.190.368
Thuế xuất, nhập khẩu	-	417.242.811	575.854.341	(575.854.341)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	6.939.332.765	(7.219.944.606)	144.635.472	844.575.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.948.427.275	844.209.373	47.814.514.393	(43.467.914.508)	18.649.671.237	1.198.853.450
Thuế thu nhập cá nhân	2.961.581.834	172.062.968	10.923.767.708	(12.190.731.069)	1.683.700.186	161.144.681
Thuế tài nguyên	277.863.000	-	2.945.776.800	(3.014.553.601)	209.086.199	-
Tiền thuê đất	-	-	94.830.900	(94.830.900)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	768.050.814	(1.403.631.162)	-	635.580.348
Các loại thuế khác	-	-	230.823.011	(230.823.011)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.396.485	2.000.000	84.481.305	(83.927.029)	4.950.761	-
Cộng	24.240.088.860	1.455.584.124	397.970.331.049	(391.192.678.659)	32.515.853.269	2.988.383.391

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí lãi vay phải trả	15.780.830.268	3.537.880.184
Chi phí hàng khuyến mại	1.642.044.222	1.229.296.250
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án	1.418.144.386	979.937.694
Trích trước chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	537.427.927	20.321.351.958
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.924.835.942	9.367.827.135
Cộng	24.303.282.745	35.436.293.221

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	344.955.200	445.689.600
Ông Lê Vĩnh Sơn	344.955.200	445.689.600
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	398.517.599.039	427.916.074.385
Kinh phí công đoàn	2.532.237.036	1.782.185.480
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.643.814.661	693.642.700
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Tây Hà Nội – LC Upas ^(*)	94.629.698.821	62.971.317.194
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân – LC Upas ^(*)	155.452.185.294	269.994.888.528
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hoài Đức – LC Upas ^(*)	24.431.708.672	8.499.168.858
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thành An – LC Upas ^(*)	21.993.263.460	-
Ngân Hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh – LC Upas ^(*)	13.314.329.283	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình – LC Upas ^(*)	21.158.645.707	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – LC Upas ^(*)	7.195.876.634	35.195.990.340
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An – LC Upas ^(*)	26.812.224.944	-
Thu tiền các hộ dân hỗ trợ đặt đồng hồ, ống nước	9.361.800.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	19.991.814.527	48.778.881.285
Cộng	398.862.554.239	428.361.763.985

^(*) Là khoản ngân hàng ứng trước tiền thanh toán cho nhà cung cấp theo các Hợp đồng phát hành thư tín dụng L/C Upas.

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.178.375.423.633	1.891.874.239.847
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	854.287.235.992	673.907.173.070
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức ⁽ⁱⁱ⁾	563.888.342.395	517.926.012.608
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99.895.665.918	118.907.746.753
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	49.047.236.897	45.950.667.753
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ^(v)	30.266.579.788	16.087.896.631
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An ^(vi)	136.401.123.488	148.701.054.315
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh ^(vii)	27.882.154.296	31.959.608.451
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long ^(viii)	108.848.708.781	82.785.184.660
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hồ Gươm ^(ix)	-	94.086.234.865
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Tây Hà Nội ^(x)	31.070.699.239	26.395.428.860
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Thành Đô ^(xi)	29.331.179.578	-
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun – Chi nhánh Đồng Nai ^(xii)	45.512.879.224	43.493.342.629
Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Hà Nội ^(xiii)	-	45.925.850.125
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(xiv)	76.472.266.356	45.748.039.127
Ngân hàng TMCP Quốc tế Hà Nội ^(xv)	69.900.907.307	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kinh Đô ^(xvi)	55.570.444.374	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.205.000.000	3.702.500.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	86.967.304.482	86.710.374.316
Vay Quỹ đầu tư phát triển đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	480.000.000	250.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	24.071.537.083	15.619.694.348
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	-	21.803.375.000
Cộng	2.293.099.265.198	2.019.960.183.511

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/147831/HĐTD ngày 30/9/2021 với tổng hạn mức tín dụng 720.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong năm từ 5,8% – 6,0%/năm, điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/7989546/HĐTD ngày 27/05/2021, hạn mức tín dụng 335.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.8).

Khoản vay tín chấp của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/7696459/HĐTD ngày 20/10/2021 với hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích để Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức không quá ngày 30/9/2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bất động sản nhà xưởng, nhà văn phòng và căng teen tại xã Nghi Long theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2021/7696459/HĐBĐ kí ngày 02/12/2021 giữa Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Khoản vay Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất từ 6%/năm, thời hạn mỗi khoản vay là 5,5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 24/5/2022, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

(i) **Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/147831/HĐTD ngày 30/9/2021 với tổng hạn mức tín dụng 480.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong năm từ 5,5% – 6,0%/năm, điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7989546/HĐTD ngày 27/05/2021 với tổng hạn mức 140.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức.

(iii) **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 210035/CTD/NHNTHD ngày 30/6/2021 với hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích tài trợ tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đá nhân tạo nhưng không bao gồm nhu cầu phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất cho vay tại ngày ký hợp đồng là 6,0% – 6,8%/năm được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay 12 tháng, tài sản đảm bảo là các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của công ty.

(iv) **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ, hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 theo Hợp đồng thế chấp số 214TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng, phương tiện vận tải.

(v) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nghệ An**

Khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT440-TOANMY ngày 12/05/2020, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định là phương tiện vận tải của công ty.

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT440-SONHANGHEAN ngày 08/10/2021 với hạn mức 40.000.000.000 VND mục đích để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 08 tháng 10 năm 2022. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng hóa, giấy tờ có giá được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An và Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Nghệ An.

(vi) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT320-SONHA ngày 23/11/2020 với tổng hạn mức 150.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6,7% – 7,0%/năm được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, thời hạn duy trì hạn mức từ 23/11/2020 đến hết ngày 16/11/2021, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.

(vii) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh**

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng số 21.62.0022/2021-HĐCVHM/NHCT264-SONHASSP ngày 09/09/2021 với tổng hạn mức 32.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép không gỉ. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng.

Khoản vay được bảo đảm bằng bằng Văn bản cam kết của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà vô điều kiện, không hủy ngang toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn cho bên vay tại bên cho vay và toàn bộ trái phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh.

(viii) **Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long**

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 6/10/2020 và phụ lục hợp đồng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 15/12/2021, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Hạn mức bao gồm: Hạn mức tín dụng 1 là 115.000.000.000 VND và hạn mức tín dụng 2 là 230.000.000.000 VND. Các hạn mức trên đã bao gồm hạn mức cho vay, hạn mức mở L/C, hạn mức thấu chi. Sử dụng hết hạn mức 1 mới được dùng hạn mức 2 (khi được phía Ngân hàng đồng ý). Khoản vay được bảo đảm bằng giấy tờ có giá là 1.120.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn nhà tại địa chỉ số 56, lô đất số Q-M5 tại KĐT Nam Thăng Long thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Vĩnh Sơn và bà Trần Thị Kim Dung, hàng tồn kho luân chuyển thành phẩm ống thép tại kho Nhà máy Phùng và các khoản phải thu, hàng hóa phát sinh từ các hợp đồng mua bán khác.

(ix) **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hồ Gươm**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản từng lần với hạn mức tối ưu thanh khoản tối đa bằng 95% tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để bảo đảm cho hạn mức tối ưu thanh khoản tại thời điểm xác định hạn mức tối ưu thanh khoản, lãi suất 9,00%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

(x) **Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Tây Hà Nội**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng cấp tín dụng số 108/2021/HĐTD/TTKD KMA/01 ngày 20/12/2021 với hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở L/C trả chậm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, lãi suất 6,0% – 6,5%/năm theo từng Giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng vay số 134/2020/HĐTD/TTKD KM/01 ngày 25/12/2020 với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép Inox, hộp thép Inox,... Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(xi) **Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Thành Đô**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ theo hợp đồng số 287/2021/HĐTD/TDO/01 ngày 23/12/2021, hạn mức tín dụng là: 50.000.000.000 vnd, mục đích vay nhằm phục vụ sản xuất sản phẩm gia dụng từ Plastic, kim loại như bồn chứa nước, bình nước nóng của khách hàng, thời hạn cho mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo của Hợp đồng là hàng tồn kho luân chuyển (bao gồm nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa) tại Lô CN 07.2-CN08, KCN đô thị Thuận Thành II, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh.

(xii) **Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun – Chi nhánh Đồng Nai**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Thỏa thuận tín dụng số 10000693LD001202156 ngày 21/9/2021 với hạn mức tín dụng 2.000.000 USD với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất của Công ty, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 01 năm kể từ ngày 09/9/2021, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại chính Ngân hàng này, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2021 là 13.850.000.000 VND.

(xiii) **Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Hà Nội**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức số 30200134 ngày 08 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 2.000.000 USD, mục đích sử dụng để nhập khẩu và/hoặc mua nội địa nguyên liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày 26/11/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(viii) Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Sở giao dịch

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3006/2021/HDTD ngày 30/06/2021 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích tài trợ nhập khẩu, tiền điện và tiền lương nhân công, tiền thuế nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Inox của Khách hàng. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn kế ước không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là tiền gửi, bất động sản.

(ix) Ngân hàng TMCP Quốc tế Hà Nội

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.HĐTD.SHI.2021 ngày 18/10/2021 với hạn mức tín dụng 70.000.000.000 VND, mục đích để tài trợ vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 6,0%/năm, được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, tài sản đảm bảo là giấy tờ có giá tại ngân hàng, quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán/ Hợp đồng thuê tài sản/ Hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ và các hợp đồng kinh tế khác giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng.

(x) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 131020-2698342-01SME ngày 02/11/2020 và phụ lục Hợp đồng số 01/PLHD ngày 15/9/2021 với tổng hạn mức 20.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, đồ dùng bằng thép không gỉ (Inox).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ TIỀN VAY PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN TỬ VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	SỐ TIỀN VAY ĐÃ TRẢ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.702.500.000	702.500.000	-	(1.200.000.000)	3.205.000.000
Vay ngắn hạn các ngân hàng	1.891.874.239.847	5.929.506.214.120	-	(5.645.764.027.773)	2.178.375.423.633
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	86.710.374.316	-	60.159.804.482	(59.902.874.316)	86.967.304.482
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển dài hạn đến hạn trả	250.000.000	-	480.000.000	(250.000.000)	480.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	15.619.694.348	-	24.071.537.083	(15.619.694.348)	24.071.537.083
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	21.803.375.000	-	-	(22.000.000.000)	-
Cộng	2.019.960.183.511	5.930.208.714.120	84.711.341.565	(5.744.736.596.437)	2.293.099.265.198

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay dài hạn ngân hàng	79.390.894.737	135.554.531.187
Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An ⁽ⁱ⁾	8.488.250.000	8.801.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	42.620.953.879	48.320.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.976.895.778	25.043.423.778
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) ^(iv)	-	45.999.153.530
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(v)	5.735.500.000	7.390.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ^(vi)	569.295.080	-
Nợ thuê tài chính	69.178.205.613	32.414.069.134
Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	-	3.625.742.000
Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	272.500.000	22.040.275.721
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Hà Nội	24.131.389.165	6.748.051.413
Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	39.885.525.473	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.888.790.975	-
Trái phiếu thường dài hạn ^(vii)	278.477.500.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	51.227.497.062	43.360.052.877
Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội ^(viii)	51.227.497.062	43.360.052.877
Cộng	478.274.097.412	211.328.653.198

(i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An

Khoản vay của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT440 - TOANMY ngày 31/01/2018 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/HĐCVDADT/NHCCT440 - TOANMY ngày 29/04/2020 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án đầu tư hệ thống Pin năng lượng mặt trời công suất 310kWp, thời gian vay 36 tháng. Tài sản đảm bảo được quy định theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/HĐBĐ/NHCT440-TOANMY ngày 28 tháng 4 năm 2020 bao gồm hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 310Kwp; các quyền, lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với các tài sản nêu trên, bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường và tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác để trao đổi, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập trên.

Khoản vay Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà với thời hạn vay là 07 năm, lãi suất 8,9%/năm, các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại ngân hàng cộng biên độ 4%/năm, mục đích huy động vốn đầu tư vào Dự án đầu tư hệ thống năng lượng Mặt trời. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền tài sản của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện dự án điện mặt trời trên mái nhà số 66 ngày 11/12/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Tổng Công ty Điện lực miền Trung và máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư hệ thống năng lượng Mặt trời Chu Lai.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo hợp đồng tín dụng số 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m3/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, Hà Đông có công suất 30.000 m3/ngày và các hạng mục có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo hợp đồng số 62/2017 ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn - An Thượng", dư nợ vay tối đa 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư của dự án, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án hợp tác đầu tư.

(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức

Khoản vay của Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc theo hợp đồng số 01/2017/8799911/HĐTD ngày 10/3/2017, mục đích vay để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành II, tỉnh Bắc Ninh, lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà theo hợp đồng số 01/2017/9309762/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị nhà bếp tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(v) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Khoản vay của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà, với thời hạn vay là 07 năm, mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất kỳ đầu tiên từ ngày giải ngân tới 31/12/2021 là 8%/năm, các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng tại ngân hàng cộng biên độ 3,5%/năm. Gốc vay được trả 03 tháng/lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và đáo hạn vào ngày 25 tháng 12 năm 2027, tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị tại dự án Điện mặt trời Cảng cá, tổng giá trị thế chấp là 10.589.518.816 VND.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ

Khoản vay của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar theo Hợp đồng tín dụng để thanh toán chi phí mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất 7,5%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tải pick-up cabin kép biển số 29H-498.39 và 29H-497.78 quy định theo hợp đồng thế chấp/cầm cố có liên quan số HDTC/LTT/CRL/12052021-281705936/01 và HDTC/LTT/CRL/12052021-281705936/02.

(vii) Trái phiếu thường dài hạn tại Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI với thời hạn 3 năm, mệnh giá 280.000.000.000 VND. Lãi suất cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, cho các năm tính lãi tiếp theo bằng Tổng lãi suất tham chiếu (+) biên độ 4,5%/năm, trong trường hợp lãi suất tham chiếu nhỏ hơn 6,5%/năm thì lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đó là 11%/năm. Tiền lãi sẽ được tính trên số ngày thực tế trên cơ sở một năm có 365 ngày.

(viii) Khoản vay dài hạn tổ chức khác

Khoản vay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo hợp đồng tín dụng số 06/2019/HĐTD-SHI ngày 30 tháng 09 năm 2019 với mục đích thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao", thời hạn cho vay 11 năm 6 tháng, thời hạn ân hạn 09 tháng, lãi suất 6,95%/năm, bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Ba Đình.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	TỔNG NỢ	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	166.358.199.219	86.967.304.482	76.814.894.737	2.576.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	51.707.497.062	480.000.000	51.227.497.062	-
Nợ thuê tài chính	93.249.742.696	24.071.537.083	69.178.205.613	-
Trái phiếu thường	278.477.500.000	-	278.477.500.000	-
Cộng	589.792.938.977	111.518.841.565	475.698.097.412	2.576.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	222.264.905.503	86.710.374.316	135.554.531.187	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	43.610.052.877	250.000.000	43.360.052.877	-
Nợ thuê tài chính	48.033.763.482	15.619.694.348	32.414.069.134	-
Trái phiếu thường	21.803.375.000	21.803.375.000	-	-
Cộng	335.712.096.862	124.383.443.664	211.328.653.198	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	VAY DÀI HẠN NGÂN HÀNG	NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	TRÁI PHIẾU THƯỜNG	VAY DÀI HẠN CÁC TỔ CHỨC KHÁC	CỘNG
Số đầu năm	135.554.531.187	32.414.069.134	-	43.360.052.877	211.328.653.198
Số tiền vay phát sinh trong năm	4.481.500.000	69.017.632.473	278.173.000.000	8.347.444.185	358.179.363.078
Số tiền vay đã trả trong năm	(485.331.968)	(8.181.958.911)	-	-	(6.827.077.299)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(60.159.804.482)	(24.071.537.083)	-	(480.000.000)	(84.711.341.565)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	304.500.000	-	304.500.000
Số cuối năm	79.390.894.737	69.178.205.613	278.477.500.000	51.227.497.062	478.274.097.412

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả

Là các khoản dự phòng chi phí bảo hành cho các sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	13.910.277.644	14.874.442.032
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.971.305.244	513.943.158
Giảm khác	-	(187.732.546)
Chi quỹ	(4.525.873.089)	(1.290.375.000)
Số cuối năm	12.355.709.799	13.910.277.644

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUỸ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	CỘNG
Số dư đầu năm trước	870.881.810.000	(47.906.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	(1.665.791.015)	35.975.682.792	209.828.408	200.078.761.975	186.194.643.235	1.274.740.709.775
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	44.059.698.428	45.447.109.886	89.506.808.314
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.284.857.894	-	(1.546.976.801)	(251.824.251)	(513.943.158)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(590.858.199)	(104.146.461)	(695.004.660)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	1.174.689.720	-	-	-	-	1.174.689.720
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	43.377.460.000	-	7.738.500.000	-	-	-	-	(59.127.440.000)	8.011.480.000	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(43.384.660.500)	(2.420.500.000)	(45.805.160.500)
Điều chỉnh tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(533.240.121)	4.854.972.445	4.321.732.324
Số dư cuối năm trước	914.259.270.000	(47.906.902.648)	42.897.500.000	(4.186.322.972)	(491.101.295)	37.260.540.686	209.828.408	138.955.284.782	241.731.734.854	1.322.729.831.815
Số dư đầu năm nay	914.259.270.000	(47.906.902.648)	42.897.500.000	(4.186.322.972)	(491.101.295)	37.260.540.686	209.828.408	138.955.284.782	241.731.734.854	1.322.729.831.815
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	89.385.473.068	47.296.826.513	136.682.299.581
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.135.763.111	-	(3.543.458.878)	(563.609.477)	(2.971.305.244)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(669.683.733)	(125.228.596)	(794.912.329)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	(3.081.237.637)	-	-	-	-	(3.081.237.637)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	91.097.800.000	-	-	-	-	-	-	(97.804.500.000)	-	-
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.480.000.000	2.480.000.000
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(90.646.618.912)	(90.646.618.912)
Số dư cuối năm nay	1.005.357.070.000	(47.906.902.648)	49.604.200.000	(4.186.322.972)	(3.572.338.932)	38.396.303.797	209.828.408	126.323.115.239	200.173.104.382	1.364.398.057.274

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ông Lê Vĩnh Sơn	160.686.810.000	146.078.920.000
Các cổ đông khác	844.670.260.000	768.180.350.000
Cộng	1.005.357.070.000	914.259.270.000

23c. Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.535.707	91.425.927
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	100.216.847	91.107.067
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.216.847	91.107.067

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ

-ĐHĐCĐ/SH ngày 05 tháng 6 năm 2021 như sau:

	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	91.097.800.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.517.000.000
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	458.712.329

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

NGOẠI TỆ CÁC LOẠI	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dollar Mỹ (USD)	599.091,24	1.143.112,06
Euro (EUR)	137,47	149,07

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng hóa	4.147.464.025.908	3.645.633.014.728
Doanh thu bán thành phẩm	3.052.453.639.132	1.877.444.129.474
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.262.358.274	38.494.792.942
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	623.782.437	620.696.485
Cộng	7.260.803.805.751	5.562.192.633.629

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	2.609.788.102	2.309.577.935
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	285.799.918.645	5.924.526.109
Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	274.635.390	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	121.425.139	121.134.540
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.039.363.636	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	180.000.000	180.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	180.000.000	180.000.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chiết khấu thương mại	182.006.650.419	183.960.191.825
Hàng bán bị trả lại	4.118.385.543	18.062.465.972
Giảm giá hàng bán	66.073.652	51.708.323
Cộng	186.191.109.614	202.074.366.120

3. Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.735.623.445.354	3.244.585.632.443
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.420.104.958.304	1.390.923.967.707
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.326.770.173	12.037.260.380
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.361.197.399)
Cộng	6.201.055.173.831	4.646.185.663.131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.124.931.576	12.890.984.451
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty con	-	15.313.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.287.977.000	7.422.254.401
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	375.939.161	454.660.074
Cổ tức	674.624.340	604.141.200
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	2.142.249.650
Doanh thu tài chính khác	-	789.604.591
Cộng	26.463.472.077	24.319.207.367

5. Chi phí tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	146.565.542.880	155.472.537.037
Chiết khấu thanh toán	29.587.580.053	10.393.550.356
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.228.380.146	11.583.247.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.940.867.928	-
Chi phí tài chính khác	113.632.807	856.669.475
Cộng	190.436.003.814	178.306.004.101

6. Chi phí bán hàng

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí cho nhân viên	109.254.476.774	125.745.206.028
Chi phí vật liệu, bao bì	3.924.569.414	3.810.450.350
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.746.179.538	9.999.056.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.905.903.037	12.242.337.201
Chi phí bảo hành	11.262.249.911	6.201.117.734
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	1.425.767.308	4.337.283.967
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	109.865.016.834	10.242.655.501
Chi phí thuê showroom	19.589.510.724	19.589.510.724
Chi phí thuê kho	17.457.274.695	14.191.588.802
Các chi phí khác	79.295.213.539	84.723.332.360
Cộng	364.726.161.774	291.082.539.110

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí cho nhân viên	82.217.031.731	71.612.496.565
Chi phí vật liệu quản lý	1.642.235.835	1.737.434.127
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.872.218.024	2.176.932.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.717.877.202	12.367.778.826
Thuế, phí và lệ phí	674.438.933	349.203.223
Dự phòng phải thu khó đòi	432.708.589	1.739.274.461
Chi phí thanh toán, mở L/C	22.714.744.762	16.467.242.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.934.561.269	24.037.874.439
Các chi phí khác	31.142.263.261	14.380.762.621
Cộng	163.348.079.606	144.868.999.019

8. Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	320.528.598	5.664.629.609
Thanh lý tài sản	313.389.591	58.665.413
Phạt vi phạm hợp đồng	30.815.319	3.336.626.284
Xử lý công nợ	-	206.396.310
Thưởng sản lượng từ nhà cung cấp	864.101.553	348.182.263
Thu nhập khác	2.223.514.962	2.380.639.356
Cộng	3.752.350.023	11.995.139.235

9. Chi phí khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lỗ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	107.439.437
Thuế bị phạt, bị truy thu	391.852.411	3.696.262.308
Chi phí hoàn ứng không có hóa đơn, chứng từ	-	522.853.000
Phạt do vi phạm hợp đồng	39.508.333	3.755.214.660
Chi phí khác	1.299.007.989	2.480.696.620
Cộng	1.730.368.733	10.562.466.025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	89.385.473.068	44.059.698.428
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	-	(458.712.329)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.517.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	89.784.059.031	41.083.986.099
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	100.216.847	100.216.847
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	892	410

10b. Thông tin khác

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính lợi nhuận có thể dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho Đại hội đồng cổ đông chưa quy định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và số lượng cổ phiếu bình quân thay đổi do tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận năm trước chưa phân phối. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 484 VND xuống còn 410 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.118.734.810.823	2.434.804.598.013
Chi phí nhân công	311.868.393.844	265.610.663.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.664.557.693	84.625.226.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.162.884.273	248.641.746.139
Chi phí khác	178.923.982.487	104.236.719.411
Cộng	3.137.918.952.870	3.137.918.952.870

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	91.097.800.000	15.749.980.000
Tăng tài sản thông qua việc nhận nợ thuê tài chính	69.017.632.473	18.146.697.364

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty dùng 1.120.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 06/10/2020 (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền lương và phụ cấp	7.061.108.000	7.025.501.249
Thù lao	458.712.329	431.004.660
Cộng	7.519.820.329	7.456.505.909

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

BÊN LIÊN QUAN KHÁC	MỐI QUAN HỆ
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Thuê tài sản	40.560.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	HÀNG CÔNG NGHIỆP	HÀNG GIA DỤNG	LĨNH VỰC KHÁC	CỘNG
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.912.733.065.553	4.085.967.847.964	75.911.782.620	7.074.612.696.137
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.912.733.065.553	4.085.967.847.964	75.911.782.620	7.074.612.696.137
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	287.031.889.960	607.503.787.718	(20.978.155.372)	873.557.522.306
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(435.951.538.129)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(528.074.241.380)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	26.463.472.077
Chi phí tài chính	-	-	-	(190.436.003.814)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	964.083.495
Thu nhập khác	-	-	-	3.752.350.023
Chi phí khác	-	-	-	(1.730.368.733)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(47.814.514.393)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	136.682.299.581
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	16.454.513.075	84.702.192.942	-	101.156.706.017
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.716.808.353	73.947.749.340	-	83.664.557.693
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.461.591.465.528	3.609.756.595.517	288.770.206.464	5.360.118.267.509
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.461.591.465.528	3.609.756.595.517	288.770.206.464	5.360.118.267.509
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.235.495.862	71.955.285.650	552.741.822.866	713.932.604.378
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(435.951.538.129)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	277.981.066.249
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	24.319.207.367
Chi phí tài chính	-	-	-	(178.306.004.101)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	376.052.028
Thu nhập khác	-	-	-	11.995.139.235
Chi phí khác	-	-	-	(10.562.466.025)

	HÀNG CÔNG NGHIỆP	HÀNG GIA DỤNG	LĨNH VỰC KHÁC	CỘNG
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(36.296.186.439)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	89.506.808.314
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.568.717.535	163.950.620.740	8.234.486.601	174.753.824.876
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.202.961.923	72.422.264.328	137.241.444	84.762.467.695

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	HÀNG CÔNG NGHIỆP	HÀNG GIA DỤNG	LĨNH VỰC KHÁC	CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.427.320.579.489	4.186.528.960.372	115.560.821.953	5.729.410.361.814
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	178.553.298.063
Tổng tài sản	-	-	-	5.907.405.173.007
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.041.340.873.277	3.416.616.939.510	85.049.302.946	4.543.007.115.733
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	4.543.007.115.733
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	812.236.028.069	3.561.095.989.806	114.769.557.944	4.488.101.575.819
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	16.676.552.527
Tổng tài sản	-	-	-	4.504.778.128.346
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	563.425.203.471	2.535.643.728.106	82.979.364.954	3.182.048.296.531
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	3.182.048.296.531

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ – ĐHĐCĐ/SH ngày 05 tháng 6 năm 2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2021 triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty.

Theo thông báo số 82/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty quyết định thay đổi đăng ký niêm yết chứng khoán, số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết: 150.187.913 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, ngày có hiệu lực: 10/02/2022. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa hoàn thành thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch HĐQT

Lê Vinh Sơn



XE ĐIỆN XANH

Cho Mọi Nhà



HỢP TÁC CÔNG NGHỆ





CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Trụ sở chính: Số 2, Phố Thanh Lâm - Phường Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Hội sở: Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai - P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1800 6566

Email: support@sonha.com.vn

Website: www.sonha.com.vn